BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG QUỐC GIA

SỔ TAY HƯỚNG DẪN

VỀ LIÊN KẾT CHUỖI SẢN XUẤT TÔM TẠI VIỆT NAM

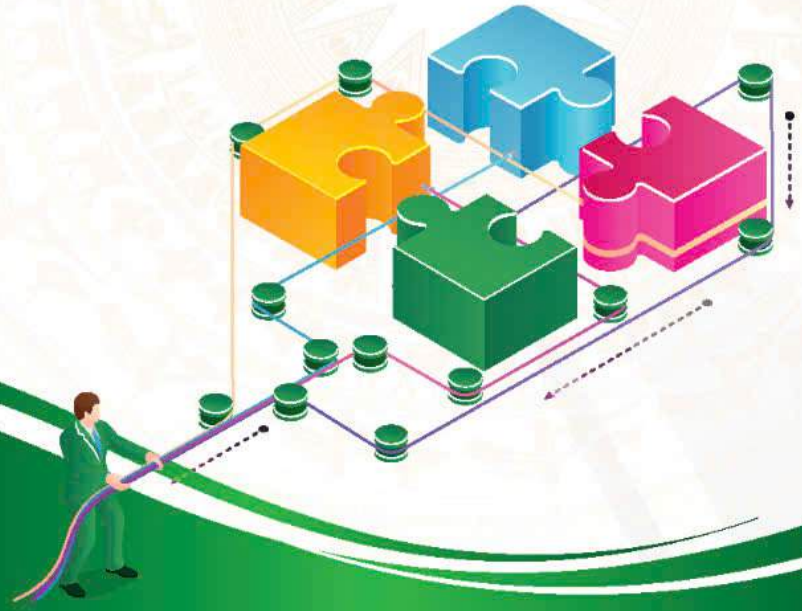

HÀ NỘI - 2024

Tài liệu là sản phẩm của dự án ***"Xây dựng mô hình liên kết, hợp tác sản xuất trong ngành tôm thuộc Đề án Tổng thể phát triển ngành công nghiệp tôm nước lợ Việt Nam đến năm 2030"*** *được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt tại Quyết định số 3475/QĐ-BNN-TCTS ngày 30/8/2018.*

Cơ quan chủ quản: Cục Thuỷ sản

Cơ quan chủ trì soạn thảo: Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

Tác giả biên soạn:

- ThS. Lê Ngọc Quân – Phó trưởng phòng Khuyến ngư
- ThS. Đinh Xuân Lập - Phó Giám đốc Trung tâm Hợp tác Quốc tế nuôi trồng và khai thác thuỷ sản bền vững (ICAFIS)

Liên hệ:

Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

- Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội
- Điện thoại: 02437.715.294
- Email: tochucknqg@gmail.com
- Website: www.khuyennongvn.gov.vn

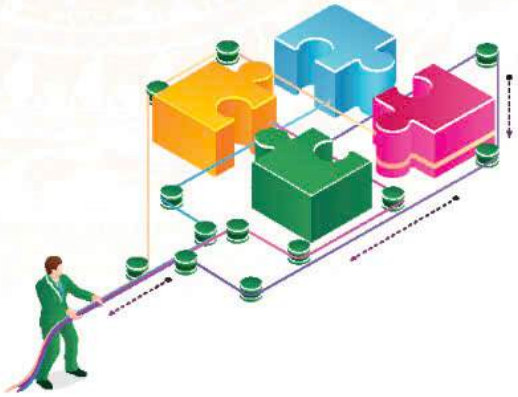

Trong thời gian qua ngành tôm đã có những bước tiến vượt bậc nhờ áp dụng những thành tựu khoa học công nghệ, nhiều mô hình tốt áp dụng vào sản xuất giống, thức ăn, nuôi, chế biến xuất khẩu tôm. Đồng thời ngành tôm đã tiên phong trong hội nhập kinh tế, mở rộng thị trường trên toàn thế giới.

Tuy nhiên, công tác tổ chức lại sản xuất theo hướng hợp tác liên kết chưa được quan tâm đúng mức; việc liên kết và quan hệ hợp tác giữa tổ chức, cá nhân trong chuỗi giá trị tôm còn rời rạc và chưa hiệu quả nên giá thành sản xuất cao, giảm chất lượng sản phẩm và khó truy xuất nguồn gốc, do đó làm giảm sức cạnh tranh của sản phẩm tôm Việt Nam trên thị trường quốc tế. Quá trình nuôi tôm thương phẩm còn nhiều vấn đề cần giải quyết đó là: quy mô nuôi tôm còn manh mún, nhỏ lẻ; quy trình, công nghệ nuôi chưa chuyên nghiệp, khiến cho hiệu quả, năng suất và chất lượng tôm chưa đáp ứng thị trường nhập khẩu lớn.

*Từ kết quả thực hiện nhiệm vụ "**Xây dựng mô hình liên kết, hợp tác sản xuất trong ngành tôm thuộc đề án Tổng thể phát triển ngành công nghiệp tôm nước lợ Việt Nam đến năm 2030**", qua thực tiễn sản xuất, chúng tôi biên soạn cuốn "**Sổ tay hướng dẫn về liên kết chuỗi sản xuất tôm tại Việt Nam**". Cuốn sổ tay giới thiệu các vấn đề chung về liên kết chuỗi, cách thức thúc đẩy và quản lý chuỗi tôm nước lợ Việt Nam. Chúng tôi hy vọng hướng dẫn này là tài liệu tham khảo để nông dân, Tổ hợp tác, Hợp tác xã, khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng, các cá nhân tham gia liên kết chuỗi sản xuất tôm tại Việt Nam. Đặc biệt giúp Hợp tác xã, Tổ hợp tác, người nuôi nhỏ lẻ tổ chức lại sản xuất theo hướng liên kết hợp tác bền vững trong chuỗi giá trị tôm hiện nay.*

Cuốn sổ tay chắc còn hạn chế, thiếu sót, mong bạn đọc góp ý để chúng tôi hoàn thiện cho tái bản lần sau.

Các cụm từ viết tắt

FAO	Tổ chức Nông lương Thế giới
NTTS	Nuôi trồng thủy sản
HTX	Hợp tác xã
THT	Tổ hợp tác
UBND	Ủy ban nhân dân
QCCT	Quảng canh cải tiến
BTC	Bán thâm canh
TC	Thâm canh
CNC	Công nghệ cao
DN	Doanh nghiệp
SCAP	Trung tâm Chính sách chiến lược nông nghiệp Miền Nam
CĐ	Cao đẳng
ĐH	Đại học

MỤC LỤC

Chương I. Các vấn đề chung 5
1.1. Đối tượng và phạm vi áp dụng 5
1.2. Giải thích thuật ngữ 5
1.3. Chính sách cho phát triển chuỗi giá trị 6
1.4. Khái niệm chuỗi giá trị 7
Chương II. Thúc đẩy chuỗi tôm nước lợ Việt Nam 12
2.1. Thúc đẩy liên kết chuỗi giá trị 12
2.2. Xác định nhu cầu trong liên kết ngang (THT/HTX) 12
2.3. Xác định nhu cầu trong liên kết dọc 16
Chương III. Quản trị chuỗi tôm nước lợ Việt Nam 24
3.1. Quản trị chuỗi liên kết ngang 24
3.2. Quản trị chuỗi liên kết dọc 28
3.3. Sự tham gia của chính quyền địa phương, các cơ quan chức năng và các bên liên quan trong liên kết 33
TÀI LIỆU THAM KHẢO 34
Phụ lục 1 Bộ quy tắc 35
Phụ lục 2 Các biểu mẫu 52

Chương I CÁC VẤN ĐỀ CHUNG

1.1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

- Tài liệu này hướng dẫn ***nông dân, chủ trang trại, Tổ hợp tác, Hợp tác xã, khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng, các cá nhân tham gia liên kết chuỗi sản xuất tôm tại Việt Nam.***

- Cung cấp khung hướng dẫn chung cho việc thực hiện liên kết chuỗi sản xuất tôm theo đúng khuôn khổ pháp lý và định hướng của Nhà nước.

1.2. Giải thích thuật ngữ

- Hợp tác, liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm tôm nước lợ là việc thỏa thuận, tự nguyện cùng đầu tư, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm tôm nước lợ của các đối tượng tham gia liên kết để nâng cao hiệu quả sản xuất và chất lượng sản phẩm nông nghiệp.

- Liên kết theo chuỗi giá trị tôm nước lợ là hình thức liên kết từ cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, sản xuất, sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (sau đây gọi chung là liên kết chuỗi giá trị) theo các hình thức liên kết khác nhau.

Hợp đồng liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm tôm nước lợ (sau đây gọi chung là Hợp đồng liên kết) là hợp đồng được ký giữa các bên tham gia liên kết trên nguyên tắc tự nguyện nhằm thực hiện các hình thức liên kết khác nhau.

Truy xuất nguồn gốc sản phẩm thủy sản là khả năng theo dõi, nhận diện được một đơn vị sản phẩm thủy sản qua từng công đoạn của quá trình sản xuất nuôi trồng, chế biến và thương mại, phân phối.

Hợp tác xã (HTX) là tổ chức có tư cách pháp nhân do ít nhất 05 thành viên chính thức tự nguyện thành lập, hợp tác tương trợ trong sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu chung về kinh tế, văn hóa, xã hội của thành viên, góp phần xây dựng cộng đồng xã hội phát triển bền vững; thực hiện quản trị tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ.

Liên hiệp hợp tác xã là tổ chức có tư cách pháp nhân do ít nhất 03 hợp tác xã là thành viên chính thức tự nguyện thành lập, hợp tác tương trợ trong sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm nhằm mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng lực tham gia thị trường, góp phần xây dựng cộng đồng xã hội phát triển bền vững; thực hiện quản trị tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ.

Tổ hợp tác (THT) là tổ chức không có tư cách pháp nhân, được hình thành trên cơ sở hợp đồng hợp tác do ít nhất 02 thành viên tự nguyện thành lập, cùng góp vốn, góp sức lao động để thực hiện những công việc nhất định, cùng hưởng lợi và cùng chịu trách nhiệm.

1.3. Căn cứ pháp lý tổ chức, liên kết sản xuất trong ngành tôm

- Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 ngày 20 tháng 6 năm 2013.

- Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2019 về Tổ hợp tác.

- Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021- 2025.

- Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022 về phê duyệt chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định số 79/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia phát triển ngành tôm Việt Nam đến năm 2025.

- Căn cứ Quyết định số 3475/QĐ-BNN-TCTS ngày 30 tháng 8 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển ngành công nghiệp tôm nước lợ Việt Nam đến năm 2030.

1.4. Các khái niệm

a) Chuỗi giá trị

Một chuỗi giá trị là:

- Một loạt các hoạt động kinh doanh (hay chức năng) có quan hệ với nhau, từ việc cung cấp các đầu vào cụ thể cho một sản phẩm nào đó, đến sơ chế, chuyển đổi, marketing, đến việc cuối cùng là bán sản phẩm đó cho người tiêu dùng (đây là quan điểm theo chức năng đối với chuỗi giá trị).

- Là một loạt các doanh nghiệp (nhà vận hành) thực hiện các chức năng này, có nghĩa là nhà sản xuất, nhà chế biến, nhà buôn bán, và nhà phân phối một sản phẩm cụ thể nào đó. Các doanh nghiệp kết nối với nhau bằng một loạt các giao dịch kinh doanh trong đó sản phẩm được chuyển từ tay nhà sản xuất sơ chế đến tay người tiêu dùng cuối cùng. Theo thứ tự các chức năng và các nhà vận hành, chuỗi giá trị sẽ bao gồm một loạt các đường dẫn trong chuỗi (hay còn gọi là khâu).

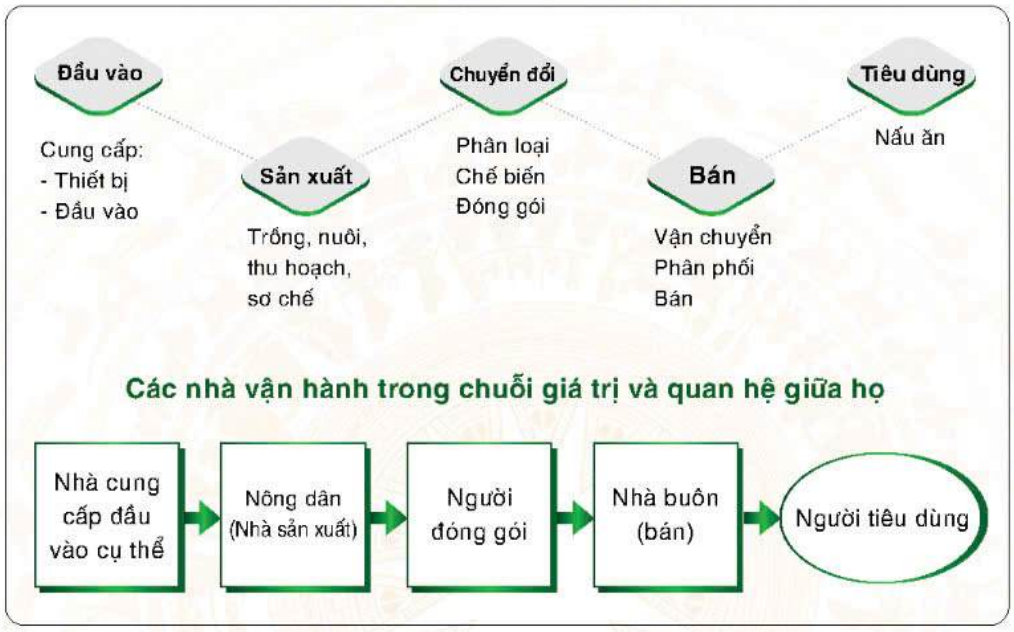

Hình 1. Sơ đồ chuỗi giá trị

b) Liên kết sản xuất

Mô hình liên kết là cách thức tổ chức sản xuất trên cơ sở hợp tác, liên kết giữa người nông dân với doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân trong sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ nông sản trên cùng địa bàn, có quy mô đất lớn, với mục đích tạo ra sản lượng nông sản hàng hóa tập trung, chất lượng cao, tăng sức cạnh tranh của nông sản trên thị trường nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng thu nhập cho nông dân và các đối tác tham gia.

c) Các hình thức liên kết

- Theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 có các hình thức liên kết như sau:

- Liên kết từ cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Liên kết cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Liên kết tổ chức sản xuất, thu hoạch gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Liên kết cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Liên kết tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Liên kết cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Liên kết sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp

c) Các liên kết kinh doanh

Những chủ thể trong chuỗi giá trị có quan hệ với nhau theo cả chiều ngang - LIÊN KẾT NGANG (giữa các doanh nghiệp trong cùng một khâu của chuỗi giá trị, có cùng một loại hình hoạt động) lẫn chiều dọc LIÊN KẾT DỌC (giữa các nhà cung cấp và người mua hàng hoá). Những liên kết kinh doanh theo chiều dọc có thể là những trao đổi ngẫu nhiên trên thị trường, cũng có thể là việc phối hợp một cách bài bản các hoạt động dựa trên việc ký kết hợp đồng. Những liên kết kinh doanh theo chiều ngang có thể là những mạng lưới không chính thức, cũng có thể là những hiệp hội và các tổ chức có thành viên chính thức.

d) Thúc đẩy chuỗi giá trị

Thúc đẩy chuỗi giá trị có nghĩa là hỗ trợ sự phát triển của chuỗi bằng cách tạo điều kiện từ bên ngoài cho một chiến lược nâng cấp chuỗi giá trị.

1.5. Các lợi ích và bất lợi khi tham gia vào liên kết

Bảng 1. Các lợi ích của các bên khi tham gia vào liên kết

Nội dung	Đối với nông dân *(Người bán)*	Đối với doanh nghiệp *(Người mua)*
Lợi ích hữu hình	- Cải thiện khả năng tiếp cận đầu vào thông qua tín dụng từ người mua hoặc được cung cấp trực tiếp từ người mua; - Giảm chi phí đầu vào do mua với số lượng lớn từ nhà cung cấp; - Cải thiện tính thanh khoản thông qua đầu vào hay tín dụng được cung ứng; - Giảm rủi ro tín dụng trong trường hợp các ngân hàng chấp nhận thế chấp bằng các hợp đồng kỳ hạn; - Các hỗ trợ tài chính cho sự tuân thủ/chứng nhận tiêu chuẩn để đáp ứng các yêu cầu của thị trường. - Tăng thu nhập và ổn định hơn nhờ vào sản lượng cao hơn, giảm hao hụt hoặc giá bán tốt hơn.	- Giảm chi phí đầu tư/chi phí hoạt động cho vùng sản xuất riêng (đất, máy móc, và nhân viên) - Giảm chi phí nhân viên thông qua liên kết hoặc gia công sản xuất; - Giảm chi phí giao dịch thông qua liên kết (i) do các thoả thuận đã thống nhất thường xuyên và ổn định về nguồn nguyên liệu; và (ii) thu mua tốt hơn do lợi thế kinh tế theo quy mô, hiệu suất cao hơn; - Giảm tổn thất sau thu hoạch do hiệu quả hơn vận chuyển và hậu cần sau thu hoạch; - Giảm rủi ro đầu tư nhờ hiệu quả hơn trong việc tối ưu hóa công suất;
Lợi ích vô hình	- Tiếp cận thị trường ổn định và đáng tin cậy (thị trường truyền thống và thị trường mới); - Cải thiện khả năng tiếp cận các dịch vụ phi tài chính (ví dụ: công nghệ, khuyến nông, và đào tạo); - Giảm rủi ro thị trường thông qua hợp đồng/lập kế hoạch sản xuất theo định hướng thị trường; - Giảm rủi ro sản xuất thông qua kế hoạch sản xuất dài hạn/năng lực sản xuất tốt hơn; - Giảm rủi ro sản xuất thông qua việc tiếp cận đầu vào, khuyến nông, và công nghệ mới; - Giảm bớt các rào cản trong sản xuất các loại sản phẩm có rủi ro cao mà hộ nông dân nghèo thường tránh.	- Đảm bảo nguồn cung nguyên liệu ổn định và bền vững về cả số lượng và chất lượng đúng thời hạn yêu cầu; - Là giải pháp cho doanh nghiệp khó khăn trong tiếp cận đất đai và lao động để xây dựng vùng nguyên liệu; - Giảm rủi ro về cung ứng sản phẩm so với chuỗi cung ứng truyền thống thông qua thương lái; - Giảm nguy cơ về dịch hại và thời tiết thông qua đa dạng hóa địa lý của vùng sản xuất; - Giảm rủi ro thị trường; Danh tiếng của doanh nghiệp với cộng đồng địa phương được cải thiện nhờ vào thực hiện sản xuất theo hợp đồng với người sản xuất nhỏ.

Nội dung	Đối với nông dân *(Người bán)*	Đối với doanh nghiệp *(Người mua)*
Lợi ích chung	- Giảm chi phí giao dịch nhờ liên kết trực tiếp, không qua trung gian; - Giảm rủi ro về giá; - Hiệu quả hơn trong tiêu thụ và phân phối đối với các loại nông sản có đặc điểm mùa vụ hay ính dễ hư hỏng đòi hỏi phải có kế hoạch sản xuất phù hợp để đảm bảo tối ưu hóa chi phí sản xuất hay lợi nhuận; - Tiếp cận tốt hơn đến các phân khúc thị trường khác nhau đòi hỏi phải tuân thủ các tiêu chuẩn khác nhau ở cấp quốc gia hay toàn cầu.	

Nguồn: (GIZ, 2013) (FAO, 2001) (ICAFIS, 2023)

Bảng 2. Các bất lợi của các bên khi tham gia vào liên kết

Đối với nông dân *(Người bán)*	Đối với doanh nghiệp *(Người mua)*
- Có thể lâm vào tình trạng nợ quá khả năng khi không xem xét đầy đủ sinh kế và nguồn lực của hộ; - Đàm phán yếu dẫn đến giá thấp hơn bình thường nếu người mua sử dụng quyền lực thị trường độc quyền; - Rơi vào thế yếu trong trường hợp người mua vi phạm hợp đồng (ví dụ như cho rằng tỷ lệ không đạt chuẩn cao, thanh toán trễ hoặc không thanh toán); - Không hiểu rõ các điều khoản hợp đồng do trình độ thấp dẫn đến sự ngờ vực/ không đúng; - Sự không hài hòa giữa các yêu cầu đầu tư dài hạn và cam kết mua hàng ngắn hạn; - Quản lý hạn ngạch/ sản lượng sản xuất sai lệch của người mua hoặc nhân viên phụ trách thu mua; - Không quan tâm đến các nhu cầu cân bằng của cây trồng kinh doanh và thực phẩm của nông hộ (cạnh tranh/chi phí cơ hội của đất và lao động). - Tăng rủi ro trong sản xuất, tiêu thụ, đầu tư và tín dụng nếu mô hình liên kết không khả thi.	- Chi phí giao dịch và đầu tư cơ sở hạ tầng cao; - Rủi ro trong việc tổ chức cung ứng đầu vào cho người sản xuất phân tán; - Sự quản lý không đúng mức và đầy đủ về cả kỹ năng và công nghệ sẽ dẫn đến nguồn cung sản phẩm không đồng đều; - Thái độ kinh doanh không đáng tin cậy của nông dân dẫn đến đến tỷ lệ vỡ nợ tín dụng cao; - Lôi kéo nông dân phá vỡ liên kết bởi các đối thủ cạnh tranh và nông dân phá vỡ hợp đồng dẫn đến việc sản phẩm không đáp ứng đủ nhu cầu của doanh nghiệp.

Nguồn: (GIZ, 2013) (FAO, 2001) (ICAFIS, 2023)

Chương II THÚC ĐẨY LIÊN KẾT CHUỖI TÔM NƯỚC LỢ VIỆT NAM

2.1. Thúc đẩy liên kết chuỗi giá trị

Thúc đẩy chuỗi giá trị cần phải được thực hiện cùng với sự phối hợp của các doanh nghiệp và các tổ chức hỗ trợ nằm trong chuỗi. Vì vậy, việc hiểu rõ cấu trúc của các thị trường là bước đi đầu tiên để thiết lập giới hạn của kế hoạch một cách hợp lý. Nếu không có triển vọng mở rộng thị trường thì mọi nỗ lực thúc đẩy đều là vô ích.

2.2. Xác định nhu cầu trong liên kết ngang (THT/HTX)

Liên kết ngang là liên kết giữa các chủ thể trong cùng một khâu, có cùng một loại hình hoạt động. Trong hướng dẫn này chủ thể là người nuôi tôm tại các vùng sản xuất tôm nước lợ tại Việt Nam.

Việc xác định nhu cầu liên kết sản xuất giữa những người nuôi tôm với nhau có ý nghĩa rất quan trọng trong việc duy trì mô hình liên kết. Thực tế tại Việt Nam đang vận hành theo 03 hình thức i) Liên kết theo hình thức Tổ hợp tác; ii) Liên kết theo hình thức Hợp tác xã; iii) Liên kết giữa các HTX/THT thành Liên hiệp Hợp tác xã. Tuy nhiên, tại một số địa phương do thiếu Bước đánh giá nhu cầu và xây dựng tiêu chí trong liên kết nên mô hình liên kết thường:

- Không thể hình thành liên kết do không có được sự đồng thuận.
- Tồn tại trong thời gian ngắn do những mâu thuẫn phát sinh trong quá trình vận hành.
- Tồn tại mang tính chất hình thức và hạn chế trong hoạt động.

Trên cơ sở nghiên cứu các tài liệu và kinh nghiệm triển khai thực tế, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia đưa ra một số hướng dẫn sau:

**** Đánh giá nhu cầu liên kết***

Ở nội dung này người thúc đẩy liên kết cần xác định rõ:

Bảng 3: Nội dung và hướng thúc đẩy liên kết

Nội dung thúc đẩy	Hướng liên kết
Đối tượng tham gia trong liên kết là ai?	* Theo phương thức nuôi - Nuôi tôm rừng - Nuôi tôm lúa - Nuôi tôm công nghiệp quy mô nhỏ - Nuôi tôm trên cát * Theo hình thức nuôi - Nôm tôm quảng canh cải tiến (QCCT) - Nuôi tôm Bán thâm canh (BTC) - Nuôi tôm thâm canh (TC)
Mục tiêu liên kết là gì?	- Chia sẻ kinh nghiệm trong nuôi tôm - Cùng quy hoạch, cải tiến hệ thống nuôi theo vùng. - Cùng mua chung sản phẩm đầu vào (thức ăn, con giống, thuốc hoá chất, chế phẩm…). - Bán chung sản phẩm. - Cùng áp dụng hệ thống chứng nhận GAP.
Địa bàn liên kết	- Áp dụng trên một ấp/thôn - Áp dụng trên một xã - Liên xã - Áp dụng trên một huyện - Liên huyện

**** Tiêu chí liên kết ngang***

Ngoài việc xác định người có cùng nhu cầu tham gia trong LIÊN KẾT, việc xây dựng tiêu chí để lựa chọn thành viên tham gia trong LIÊN KẾT cũng có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc thiết lập và duy trì mô hình LIÊN KẾT NGANG.

Bảng 4: Tiêu chí và chuẩn mực tuân thủ liên kết ngang

STT	Nội dung tiêu chí	Chuẩn mực tuân thủ
1	Phải là người nuôi tôm tại Việt Nam	100%
2	Thành viên trong độ tuổi lao động	Đảm bảo 70%, chấp nhận 30% ngoài độ tuổi lao động, không chấp nhận thành viên dưới 18 tuổi
3	Là người nuôi trên cùng một địa bàn (ấp/làng, Xã, Xã liền kề)	Đảm bảo 100%
4	Thành viên tham gia phải đồng nhất về phương thức hoặc hình thức nuôi	i) Đối với công nghiệp, tôm trên cát, tôm công nghiệp (100%), ii) Đối với tôm Bán thâm canh (50 -70%) có thể trộn lẫn với QCCT; iii) Đối với tôm rừng (100%); iv) Đối với tôm lúa (100%).
5	Thành viên tham gia phải liền canh, liền cư để có vùng nuôi thống nhất, không phân lẻ	i) Đối với công nghiệp, tôm trên cát, tôm công nghiệp (50% trở lên); ii) Đối với tôm Bán thâm canh (50 -70%) có thể trộn lẫn với QCCT; iii) Đối với tôm rừng (100%); iv) Đối với tôm lúa (100%).
6	Thành viên tham gia phải có trình độ văn hoá từ cấp THCS hoặc tương đương trở lên.	i) Đối với công nghiệp, tôm trên cát, tôm công nghiệp (100%), ii) Đối với tôm Bán thâm canh (50 -70%); iii) Đối với QCCT, tôm lúa, tôm rừng có thể chấp nhận mức 40%.

7	Thành viên tham gia phải cam kết đóng các loại quỹ do Tập thể và Ban quản trị xây dựng	Đảm bảo 100%
8	Thành viên tham gia phải cam kết tuân thủ Nội quy do Tập thể xây dựng	Đảm bảo 100%
9	Thành viên tham gia phải cam kết tuân thủ các nội dung/Quy định mà hợp đồng Liên kết chuỗi (Liên kết dọc) mà Tập thể tham gia ký kết với Đối tác trong chuỗi	Đảm bảo 100%
10	Thành viên tham gia cam kết đền bù hoặc hình thức kỷ luật với những thiệt hại do mình gây ra làm ảnh hưởng đến lợi ích tập thể.	Đảm bảo 100%

**** Mục đích liên kết***

Tuỳ vào mục đích liên kết, người dân lựa chọn hình thức tổ chức là THT hay HTX cho phù hợp. Chúng ta có thể tham khảo như sau:

Bảng 5: Mục đích và hình thức liên kết

Mục đích liên kết	Hình thức liên kết
Chia sẻ kinh nghiệm trong nuôi tôm.	Hình thức THT hoặc HTX
Cùng quy hoạch, cải tiến hệ thống nuôi theo vùng.	Hình thức THT hoặc HTX
Cùng mua chung sản phẩm đầu vào (thức ăn, con giống, thuốc hoá chất, chế phẩm...).	Hình thức HTX để ký kết hợp đồng, hoá đơn mua bán.
Bán chung sản phẩm	Hình thức HTX để ký kết hợp đồng, hoá đơn mua bán.
Cùng áp dụng hệ thống chứng nhận GAP	Hình thức THT hoặc HTX

2.3. Xác định nhu cầu trong liên kết dọc

Liên kết dọc là liên kết giữa các nhà cung cấp và người mua hàng hoá. Như vậy trong liên kết dọc sẽ hình thành hoạt động mua và bán gắn kết hợp đồng và để liên kết dọc các tác nhân tham gia cần phải có tư cách pháp nhân. Trong chuỗi ngành hàng tôm liên kết dọc thường được hình thành giữa Hợp tác xã với các doanh nghiệp cung ứng đầu vào hoặc doanh nghiệp chế biến xuất khẩu tôm.

Do liên kết dọc là liên kết giữa hai chủ thể khác nhau, không cùng loại hình hoạt động nên việc xác định nhu cầu liên kết và các điều kiện đi kèm có ý nghĩa rất quan trọng trong việc thiết lập chuỗi liên kết.

**** Đánh giá nhu cầu liên kết***

Như phân tích ở trên do đặc tính hoạt động khác nhau nên nhu cầu trong LIÊN KẾT DỌC khác so với LIÊN KẾT NGANG. Để thúc đẩy liên kết cần xem xét nhu cầu của Đối tượng liên kết để có những thúc đẩy phù hợp:

Bảng 6: Đối tượng và Nhu cầu liên kết

Đối tượng liên kết	Nhu cầu liên kết
I. Liên kết cung ứng sản phẩm đầu vào cho HTX/THT	
Liên kết cung ứng giống	Bán giống cho HTX/THT với lượng lớn theo một tiêu chí được thoả thuận giữa hai bên (giá thành, chiết khấu, chất lượng, chế độ hậu mãi…)
Liên kết cung ứng thức ăn	Bán thức ăn cho HTX/THT với lượng lớn, chất lượng đảm bảo hoặc theo tiêu chuẩn yêu cầu. (giá thành, chiết khấu, chất lượng, chế độ hậu mãi…)
Liên kết cung ứng thuốc, hoá chất, chế phẩm sinh học	Bán thuốc, hoá chất, chế phẩm sinh học cho HTX/THT với lượng lớn theo tiêu chí được thoả thuận giữa hai bên (giá thành, chiết khấu, chất lượng, chế độ hậu mãi…)

Liên kết cung ứng vật tư nuôi thuỷ sản	Bán vật tư cho HTX/THT với lượng lớn theo một tiêu chí được thoả thuận giữa hai bên (giá thành, chiết khấu, chất lượng, chế độ hậu mãi…)
Đối với nhóm cung ứng vật tư đầu vào nhu cầu tập trung vào i) Bán số lượng lớn; ii) Xây dựng địa bàn cung ứng; iii) Quảng bá và xây dựng thương hiệu.	
II. Liên kết bán sản phẩm đầu ra/bán tôm	
Nhà máy chế biến xuất khẩu tôm, hệ thống nhà hàng siêu thị, hệ thống thu mua tôm	Kiểm soát chất lượng đầu vào trong chế biến sản phẩm phục vụ thị trường xuất khẩu (kiểm soát kháng sinh, dư lượng chất).
	Thu mua sản phẩm phục vụ nhu cầu chế biến sản phẩm đặc thù, sản phẩm giá trị gia tăng (tôm cỡ lớn, tmàu đẹp, tôm sống)
	Áp dụng hệ thống chứng nhận GAP (ASC, BAP, GLOBALGAP, VIETGAP, EU…).
	Xây dựng thương hiệu sản phẩm (thương hiệu gắn với tôm rừng, tôm lúa, tôm sinh thái).
	Đảm bảo sản lượng tôm phục vụ chế biến xuất khẩu (đảm bảo lượng lớn, ổn định).
Đối với nhóm liên kết đầu ra sản phẩm nhu cầu liên kết thường tập trung vào i)Đảm bảo về khối lượng thu mua – phải đủ lớn; ii) Đảm bảo về chất thu mua – chất lượng tốt, không chứa kháng sinh, tạp chất…	

**** Cơ hội và thách thức trong liên kết dọc***

Thông qua đánh giá các bên tham gia trong liên kết chuỗi hiện hành, từ những kết quả xây dựng mô hình thí điểm và nghiên cứu các tài liệu liên quan cho thấy bảng phân tích cơ hội (cho người nuôi tôm – HTX/THT) và thách thức trong liên kết dọc như sau:

Bảng 7: Cơ hội, thách thức trong liên kết dọc

Loại hình liên kết	Cơ hội	Thách thức
I. Liên kết cung ứng sản phẩm đầu vào cho HTX/THT		
Liên kết cung ứng giống	Người nuôi có được con giống tốt, giá thành ưu đãi và được chiết khấu dựa trên tổng lượng bán.	- Người nuôi thiếu vốn trong mua sản phẩm. - Người nuôi không thực hiện đúng hợp đồng liên kết do còn tâm lý tín ngưỡng trong mua giống. - Người nuôi chưa đủ năng lực để kiểm soát chất lượng sản phẩm đầu vào.
Liên kết cung ứng thức ăn	Người nuôi có được thức ăn tốt, giá thành ưu đãi và được chiết khấu dựa trên tổng lượng bán.	- Người nuôi thiếu vốn trong mua sản phẩm. - Người nuôi chưa đủ năng lực để kiểm soát chất lượng sản phẩm đầu vào. - Cạnh tranh không lành mạnh giữa các đại lý, công ty cung ứng thức ăn nhằm phá vỡ liên kết giữa HTX/THT và DN.
Liên kết cung ứng thuốc, hoá chất, chế phẩm sinh học	Người nuôi có được nguồn thuốc, hoá chất, chế phẩm tốt, giá thành ưu đãi và được chiết khấu dựa trên tổng lượng bán	- Người nuôi thiếu vốn trong mua sản phẩm. - Người nuôi chưa đủ năng lực để kiểm soát chất lượng sản phẩm đầu vào. - Cạnh tranh không lành mạnh giữa các đại lý, công ty cung ứng nhằm phá vỡ liên kết giữa HTX/THT và DN.

Liên kết cung ứng vật tư nuôi thuỷ sản	Người nuôi có được nguồn vật tư tốt, giá thành ưu đãi và được chiết khấu dựa trên tổng lượng bán	- Người nuôi thiếu vốn trong mua sản phẩm. - Người nuôi chưa đủ năng lực để kiểm soát chất lượng sản phẩm đầu vào. - Cạnh tranh không lành mạnh giữa các đại lý, công ty cung ứng nhằm phá vỡ liên kết giữa HTX/THT và DN.
II. Liên kết bán sản phẩm đầu ra/bán tôm		
Liên kết để kiểm soát chất lượng đầu vào trong chế biến sản phẩm phục vụ thị trường xuất khẩu (kiểm soát kháng sinh, dư lượng chất)	- Liên kết trực tiếp với DN. - Giá bán tôm cao hơn. - Lượng bán ổn định hơn. - Hạn chế các rủi ro về thị trường.	- Người nuôi khó khăn trong kiểm soát chất lượng sản phẩm đầu vào phục vụ nuôi tôm. - Nhận thức của một số người nuôi chưa cao nên chưa chấp hành đúng hợp đồng đã ký.
Liên kết để thu mua sản phẩm phục vụ nhu cầu chế biến sản phẩm đặc thù, sản phẩm giá trị gia tăng (tôm cỡ lớn, màu đẹp, tôm sống ôxy)	- Liên kết trực tiếp với DN. - Giá bán tôm cao hơn. - Lượng bán ổn định hơn. - Hạn chế các rủi ro về thị trường.	- Nhu cầu thị trường không ổn định nên lượng mua không đều. - Sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp thu mua cao (cạnh tranh về giá mua). - Tính tuân thủ hợp đồng của người nuôi chưa cao
Liên kết để áp dụng hệ thống chứng nhận ASC, BAP, GLOBALGAP, VIETGAP, EU...	- Liên kết trực tiếp với DN. - Giá bán tôm cao hơn. - Lượng bán ổn định hơn. - Hạn chế các rủi ro về thị trường. - Có được thương hiệu sản phẩm.	- Nhu cầu thị trường không ổn định nên lượng mua không đều, không hết sản lượng mà người dân nuôi được. - Tính tuân thủ hợp đồng của người nuôi chưa cao. - Giá thành sản phẩm chứng nhận xuất khẩu không cao hơn sản phẩm thông thường.

Liên kết để xây dựng thương hiệu sản phẩm (thương hiệu gắn với tôm rừng, tôm lúa, tôm sinh thái)	- Liên kết trực tiếp với DN. - Giá bán tôm cao hơn. - Có được thương hiệu sản phẩm.	- Nhu cầu mua chưa nhiều do hiện chỉ phục vụ nhu cầu chuỗi cung ứng trong nước. - Tính tuân thủ hợp đồng của người nuôi chưa cao. - Sản lượng tôm quảng canh, tôm rừng, tôm lúa thấp – lượng thu mua không đủ.
Liên kết để đảm bảo lượng tôm phục vụ cho chế biến xuất khẩu (đảm bảo lượng lớn, ổn định)	- Liên kết trực tiếp với DN. - Giá bán tôm cao hơn. - Lượng bán ổn định hơn. - Hạn chế các rủi ro về thị trường.	- Nhu cầu thị trường không ổn định nên lượng mua không đều. - Sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp thu mua cao (cạnh tranh về giá mua). - Tính tuân thủ hợp đồng của người nuôi chưa cao.

**** Tiêu chí liên kết dọc***

Liên kết dọc thường có nhiều thách thức hơn liên kết ngang nên việc xây dựng tiêu chí liên kết có ý nghĩa lớn trong việc DUY TRÌ liên kết. Tuỳ loại hình liên kết ta đưa ra những tiêu chí và chuẩn mực tuân thủ cho các bên tham gia liên kết theo chuỗi giá trị như sau:

Bảng 8: Tiêu chí và chuẩn mực tuân thủ trong liên kết dọc

STT	Loại hình liên kết	Nội dung tiêu chí và Chuẩn mực tuân thủ
I. Liên kết cung ứng sản phẩm đầu vào cho HTX/THT		
1	Liên kết cung ứng giống	- Đơn vị cung ứng giống phải có nguồn gốc rõ ràng về đàn bố mẹ và đàn giống cung ứng. - Đàn giống cung ứng đã qua kiểm dịch. - Đơn vị cung ứng khi tham gia liên kết phải nêu cụ thể về lượng cung ứng, giá cả cung ứng, chính sách giá và bảo hành. - Hợp đồng liên kết được thiết lập giữa hai bên phải có làm chứng của bên thứ 3 là Cơ quan quản lý hoặc chính quyền địa phương.

2	Liên kết cung ứng thức ăn	- Đơn vị cung ứng thức ăn phải có hồ sơ truy xuất nguồn gốc thành phần thức ăn đảm bảo yêu cầu của pháp luật. - Đơn vị cung ứng thức ăn cam kết cung cấp các giấy tờ chất lượng thức ăn theo yêu cầu của bên tham gia liên kết. - Đơn vị cung ứng khi tham gia liên kết phải nêu cụ thể về lượng cung ứng, giá cả cung ứng, chính sách giá và bảo hành. - Hợp đồng liên kết được thiết lập giữa hai bên phải có làm chứng của bên thứ 3 là Cơ quan quản lý hoặc chính quyền địa phương.
3	Liên kết cung ứng thuốc, hoá chất, chế phẩm sinh học	- Đơn vị cung ứng thức ăn phải có hồ sơ truy xuất nguồn gốc sản phẩm đảm bảo yêu cầu của pháp luật. - Có giấy chứng nhận Hợp quy theo quy chuẩn tương ứng. - Có mã số lưu hành được cơ quan có thẩm quyền cấp. - Đơn vị cung ứng khi tham gia liên kết phải nêu cụ thể về lượng cung ứng, giá cả cung ứng, chính sách giá và bảo hành. - Hợp đồng liên kết được thiết lập giữa hai bên phải có sự làm chứng của bên thứ 3 là Cơ quan quản lý hoặc chính quyền địa phương.
4	Liên kết cung ứng vật tư nuôi thuỷ sản	- Đơn vị cung ứng vật tư phải có hồ sơ truy xuất nguồn gốc sản phẩm đảm bảo yêu cầu của pháp luật. - Đơn vị cung ứng khi tham gia liên kết phải nêu cụ thể về lượng cung ứng, giá cả cung ứng, chính sách giá và bảo hành. - Hợp đồng liên kết được thiết lập giữa hai bên phải có sự làm chứng của bên thứ 3 là Cơ quan quản lý hoặc chính quyền địa phương.
II. Liên kết bán sản phẩm đầu ra/bán tôm		

5	Liên kết để kiểm soát chất lượng đầu vào trong chế biến sản phẩm phục vụ cho thị trường xuất khẩu (kiểm soát kháng sinh, dư lượng chất)	- Đơn vị thu mua phải có điều khoản rõ ràng về chất lượng sản phẩm cần thu mua. - Đơn vị thu mua phải có quy định rõ ràng về hình thức kiểm tra, thời gian trả mẫu và lưu mẫu. - Đơn vị cung ứng khi tham gia liên kết phải nêu cụ thể về lượng cung ứng, giá cả cung ứng, chính sách giá và hình thức cân tôm. - Hợp đồng liên kết được thiết lập giữa hai bên phải có sự làm chứng của bên thứ 3 là Cơ quan quản lý hoặc chính quyền địa phương.
6	Liên kết để thu mua sản phẩm phục vụ nhau cầu chế biến sản phẩm đặc thù, sản phẩm giá trị gia tăng (tôm cỡ lớn, tôm màu đẹp, tôm sống ôxy)	- Đơn vị thu mua phải có điều khoản rõ ràng về chất lượng sản phẩm cần thu mua. - Đơn vị cung ứng khi tham gia liên kết phải nêu cụ thể về lượng cung ứng, giá cả cung ứng, chính sách giá và hình thức cân tôm. - Hợp đồng liên kết được thiết lập giữa hai bên phải có sự làm chứng của bên thứ 3 là Cơ quan quản lý hoặc chính quyền địa phương.
7	Liên kết để áp dụng hệ thống chứng nhận ASC, BAP, GLOBAL-GAP, VIETGAP, EU...	- Đơn vị chứng nhận phải có điều khoản rõ ràng về tiêu chí cần chứng nhận. - Đơn vị chứng nhận cần đưa ra chính sách hỗ trợ đơn vị tham gia liên kết trong áp dụng hệ thống chứng nhận. - Đơn vị cung ứng khi tham gia liên kết phải nêu cụ thể về lượng cung ứng, giá cả cung ứng, chính sách giá và hình thức cân tôm. - Hợp đồng liên kết được thiết lập giữa hai bên phải có sự làm chứng của bên thứ 3 là Cơ quan quản lý hoặc chính quyền địa phương.

8	Liên kết để xây dựng thương hiệu sản phẩm (thương hiệu gắn với tôm rừng, tôm lúa, tôm sinh thái)	- Đơn vị Xây dựng thương hiệu phải có điều khoản rõ ràng về sản phẩm cần xây dựng thương hiệu. - Đơn vị tư vấn cần đưa ra chính sách hỗ trợ đơn vị tham gia liên kết trong áp dụng hệ thống chứng nhận. - Đơn vị tư vấn phải nêu cụ thể về tiêu chí đánh giá, các bước hoàn thiện tiêu chí đánh giá để sản phẩm được chứng nhận. - Hợp đồng liên kết được thiết lập giữa hai bên phải có sự làm chứng của bên thứ 3 là Cơ quan quản lý hoặc chính quyền địa phương.
9	Liên kết để đảm bảo lượng tôm phục vụ cho chế biến xuất khẩu (đảm bảo lượng lớn, ổn định)	- Đơn vị thu mua phải có điều khoản rõ ràng về chất lượng sản phẩm cần thu mua. - Đơn vị cung ứng khi tham gia liên kết phải nêu cụ thể về lượng cung ứng, giá cả cung ứng, chính sách giá và hình thức cân tôm. - Hợp đồng giữa hai bên phải có sự làm chứng của bên thứ 3.

Chương III QUẢN TRỊ CHUỖI LIÊN KẾT TÔM NƯỚC LỢ VIỆT NAM

3.1. Quản trị chuỗi liên kết ngang

Trong những năm vừa qua đã thành lập nhiều HTX/THT trong lĩnh vực thuỷ sản . Tuy nhiên, qua nghiên cứu, điều tra đánh giá cho thấy các HTX/THT này hoạt động chưa thực sự hiệu quả và thiếu bền vững, bởi một số nguyên nhân sau:

- Tài chính/nguồn vốn của THT/HTX còn hạn chế.
- Năng lực quản trị, quản lý HTX/THT chưa hiệu quả.
- Chưa có kế hoạch sản xuất rõ ràng.
- Nhận thức và sự đồng nhất của thành viên chưa cao.

Dựa trên kinh nghiệm triển khai các chương trình dự án liên kết chuỗi thuỷ sản, để THT/HTX hoạt động hiệu quả cần tập trung vào những vấn đề sau:

**** Tăng cường nguồn vốn/tài chính của HTX/THT***

Nguồn vốn có ý nghĩa hết sức quan trọng trong duy trì liên kết giữa các thành viên HTX/THT hướng đến clợi ích chung của cộng đồng trong thực hiện liên kết dọc hoặc các dịch vụ HTX/THT hướng tới. Tuy nhiên qua đánh giá và nhiều nghiên cứu khác thì đa số các HTX/THT đều ở tình trạng "thiếu vốn". Vậy phải làm gì để tăng nguồn vốn HTX/THT là một câu hỏi lớn đặt ra? Việc huy động này có thể thực hiện bằng các cách sau:

1) Huy động vốn từ bên trong

Huy động vốn từ bên trong được hiểu là huy động ngay trong chính thành viên HTX/THT. Để các thành viên trong HTX/THT hiểu Ban quản trị cần làm rõ mục đích của việc huy động vốn là thực hiện các dịch vụ kinh doanh hoặc thực hiện liên kết chuỗi dọc. Hình thức góp vốn nên theo hình thức cổ phần và chia lợi nhuận theo cổ phần đóng góp (sau khi trích các khoản đóng góp về Quỹ HTX/THT) việc này cần được thông qua bởi các thành viên HTX/THT để đảm bảo tính dân chủ và hình thức huy động theo năm, không hạn chế thành viên trong HTX/THT.

+ Mục đích góp vốn: Vốn phục vụ cho dịch vụ, kinh doanh và thực hiện liên kết dọc.

+ Hình thức góp vốn: Cổ phần và chia lợi ích theo năm.

+ Kỳ hạn góp vốn: Theo năm và có thể huy động mở rộng các năm tiếp theo.

+ Cách thức quản lý nguồn vốn: Góp vốn vào tài khoản chung của HTX/THT (không thu tiền mặt để tránh các rủi ro về thất thoát tài chính); Cần có Ban quản lý nguồn vốn và các khoản chi tiêu, sử dụng nguồn vốn này cần có 03 chữ ký của Ban quản lý (Giám đốc, kế toán, kiểm soát viên).

2) Huy động nguồn vốn từ bên ngoài

Huy động nguồn vốn từ bên ngoài có thể thực hiện theo mấy cách sau:

- Vay vốn từ nguồn Quỹ phát triển HTX – Liên minh HTX Việt Nam.
- Vay vốn từ các nguồn quỹ hỗ trợ sản xuất, hỗ trợ phụ nữ.
- Trích lập các khoản chiết khấu từ các Doanh nghiệp tham gia liên kết chuỗi dọc cùng HTX/THT.
- Huy động góp vốn cổ phần từ các đại lý, doanh nghiệp tham gia liên kết chuỗi cùng HTX/THT (Với cách này cần có hợp đồng góp vốn và có xác nhận của cơ quan chính quyền địa phương).

Về cách thức quản lý tài chính nguồn vốn bên ngoài cũng thực hiện tương tự như nguồn vốn huy động trong HTX/THT.

**** Nâng cao năng lực quản trị/quản lý của HTX/THT***

Ngoài việc tham gia các khoá tập huấn nâng cao năng lực quản trị/quản lý của Ban lãnh đạo HTX/THT thì việc lựa chọn thành viên tham gia một số vị trí chủ chốt trong Ban quản trị HTX/THT có ý nghĩa hết sức quan trọng trong quản trị, thúc đẩy và duy trì HTX/THT. Một một số hướng dẫn/gợi ý trong lựa chọn một số vị trí chủ chốt để các THT/HTX hoạt động hiệu quả như sau:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị

Là người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và có quyền hạn, nghĩa vụ lập chương trình, kế hoạch hoạt động của hội đồng quản trị và phân công nhiệm vụ cho các thành viên hội đồng quản trị. Chịu trách nhiệm trước đại hội thành viên và hội đồng quản trị về nhiệm vụ được giao. Ký văn bản của hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và điều lệ; Thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Hợp tác xã 2023 và điều lệ.

- Giám đốc (Tổng Giám đốc) hợp tác xã.

Là người điều hành hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Giám đốc (tổng giám đốc) có quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:

+ Tổ chức thực hiện phương án sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã;

+ Thực hiện nghị quyết của đại hội thành viên, quyết định của hội đồng quản trị;

+ Ký kết hợp đồng nhân danh hợp tác xã theo ủy quyền của chủ tịch hội đồng quản trị;

+ Trình hội đồng quản trị báo cáo tài chính hằng năm;

+ Xây dựng phương án tổ chức bộ phận giúp việc, đơn vị trực thuộc của hợp tác xã trình hội đồng quản trị quyết định;

+ Tuyển dụng lao động theo quyết định của hội đồng quản trị;

+ Thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại điều lệ, quy chế của hợp tác xã.

Trường hợp giám đốc (tổng giám đốc) do hợp tác xã thuê thì ngoài việc thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ quy định nêu trên còn phải thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ theo hợp đồng lao động và có thể được mời tham gia cuộc họp đại hội thành viên, hội đồng quản trị.

- Kế toán Hợp tác xã.

Các nhiệm vụ của kế toán hợp tác xã bao gồm: Quản lý các giao dịch tài chính của hợp tác xã, bao gồm thu, chi, nhập, xuất, bán hàng, mua hàng, thanh toán và các hoạt động liên quan đến tiền tệ.

- Kỹ thuật viên của HTX

Kỹ thuật viên HTX sẽ chịu trách nhiệm thực hiện các hoạt động thuộc mảng sản xuất tôm nước lợ bền vững :

+ Tư vấn kỹ thuật cho các thành viện HTX

+ Tập huấn, tư vấn và giám sát ứng dụng chuẩn VietGAP tại các nông hộ thành viên.

+ Góp phần xây dựng kế hoạch làm việc và báo cáo định kỳ;

+ Thực hiện các Hỗ trợ các công việc khác có liên quan khi cần thiết do Quản lý của HTX giao, ví dụ như các hoạt động về chuỗi giá trị, xây dựng thương hiệu, tiếp thị sản phẩm, v.v...

**** Xây dựng kế hoạch sản xuất của HTX/THT***

Xây dựng kế hoạch sản xuất của HTX/THT có 03 ý nghĩa: i) có được định hướng trong sản xuất năm tiếp theo của HTX/THT; ii) có được nhu cầu sử dụng các sản phẩm đầu vào HTX/THT; iii) Dự kiến được sản phẩm đầu ra (sản lượng tôm nuôi), thu và chi của HTX/THT. Việc xây dựng kế hoạch cần theo các bước:

Bước 1. Đánh giá kết quả sản xuất của năm trước để ra kế hoạch cho năm tiếp theo. Kế hoạch năm tiếp theo nên tăng hoặc giảm 10-15% so với năm trước (nếu năm trước các thành viên trong HTX/THT có tỷ lệ nuôi đạt lớn hơn 70% thì có thể tăng thêm 10-15%; nếu năm trước thành viên HTX-/THT có tỷ lệ nuôi đạt 50-70% chỉ nên tăng thêm 5%; nếu năm trước thành viên HTX/THT có tỷ lệ nuôi đạt dưới 50% thì nên giảm 10%).

Bước 2. Tổng hợp nhu cầu, kế hoạch của từng thành viên HTX/THT để xây dựng kế hoạch cho năm tiếp theo và mức tăng hay giảm cần theo hướng dẫn ở Bước 1.

Bước 3. Xây dựng kế hoạch chung cho HTX/THT chi tiết ở các hạng mục diện tích dự kiến nuôi, sản lượng dự kiến đạt được, giống, thuốc, hoá chất, vật tư đầu vào, ...và cần xác định NGUỒN VỐN để triển khai, thực hiện kế hoạch này.

Bước 4. Họp HTX/THT để thông qua kế hoạch (kế hoạch cần có sự đồng thuận của 100% thành viên).

Bước 5. Kế hoạch sản xuất được thiết lập dựa trên sự đồng thuận nhưng có sự xác nhận của Cơ quan quản lý hoặc chính quyền địa phương.

Bước 6. Ban hành kế hoạch

**** Xây dựng sự đồng thuận của các thành viên***

Sự đồng thuận của các thành viên là yếu tố QUYẾT ĐỊNH đến việc tồn tại, duy trì hay phát triển của HTX/THT. Do vậy ngay từ khâu lựa chọn thành viên tham gia cần áp dụng chặt chẽ tiêu chí đã nêu ở Mục 2.2, để tiếp tục nâng cao nhận thức và sự đồng nhất của thành viên Ban quản trị HTX-/THT cần.

- Cần có đơn xin kèm cam kết khi tham gia vào HTX/THT của các thành viên khi tham gia.
- Tổ chức họp định kỳ tháng hoặc quý để tuyên truyền, nâng cao nhận thức, phổ biến các chương trình, chính sách của HTX/THT.
- Hàng năm tổ chức họp thường niên để báo cáo kết quả sản xuất của HTX/THT, báo cáo rõ ràng, minh bạch các khoản thu, chi của HTX/THT.
- Tổ chức họp và đề ra các hình thức xử lý, kỷ luật đối với các thành viên có những hành động phá hoại, gây mất đoàn kết, thậm chí đuổi khỏi HTX/THT (nếu cần).

(Tham khảo thêm phụ lục...để xây dựng các nội dung, cam kết cho thành viên HTX/THT).

3.2. Quản trị chuỗi liên kết dọc

Sản xuất theo hợp đồng: có thể theo mô hình sau:

i) Mô hình liên kết 5 nhà

Liên kết cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

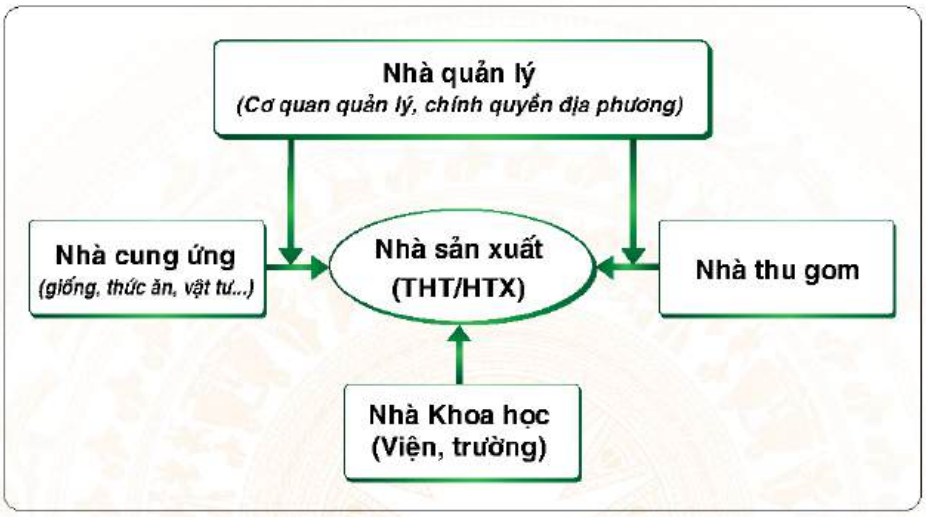

Hình 2: Mô hình liên kết 5 nhà (lưu ý điền đầy đủ thông tin trong sơ đồ mô hình)

ii) Mô hình liên kết 6 nhà

Liên kết từ cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

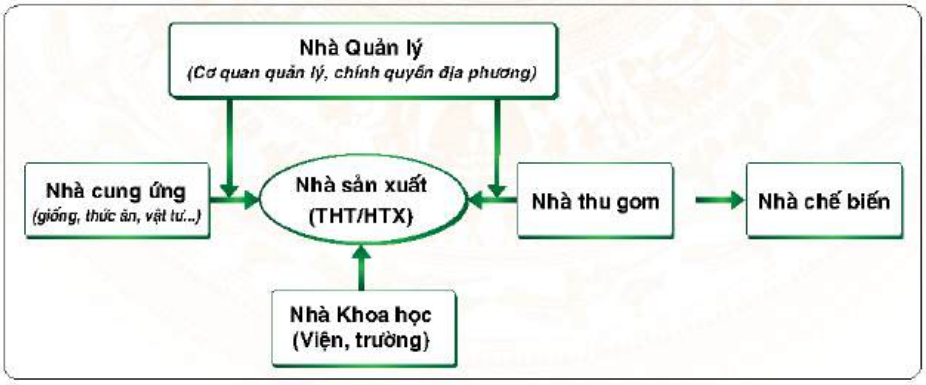

Hình 3: Mô hình liên kết 6 nhà (lưu ý điền đầy đủ thông tin trong sơ đồ mô hình)

Bước 1: Làm chặt chẽ khâu xác định nhu cầu được nêu tại mục 2.3. Xác định nhu cầu trong liên kết dọc

Bước 2: Phân tích rõ các rủi ro có thể xảy ra trong mỗi loại hình liên kết chuỗi

Bảng 9: Loại hình và những rủi ro khi liên kết

Loại hình liên kết	Những rủi ro có thể gặp
I. Liên kết cung ứng sản phẩm đầu vào cho HTX/THT	
Liên kết cung ứng giống	- Đơn vị cung ứng giống không đúng theo hợp đồng đã cam kết. - Đơn vị cung ứng giống không thực hiện đúng điều kiện bảo hành. - Thành viên HTX/THT còn tâm lý tin ngưỡng và tự ý thay đổi đơn vị cung ứng giống. - Công ty ngoài liên phá giá thị trường hoặc đưa ra chính sách thưởng thêm giống để lôi kéo thành viên HTX/THT mua giống, phá vỡ liên kết.
Liên kết cung ứng thức ăn	- HTX/THT không có vốn để tiếp tục mua thức ăn hoặc thực hiện bảo lãnh ngân hàng. - Đại lý, công ty ngoài liên kết phá giá thị trường.
Liên kết cung ứng thuốc, hoá chất, chế phẩm sinh học	- Đơn vị cung ứng không đúng theo hợp đồng đã cam kết. - Đơn vị cung ứng không thực hiện đúng điều kiện bảo hành.. - Công ty ngoài liên phá giá thị trường hoặc đưa ra chính sách thưởng thêm để lôi kéo thành viên HTX/THT mua hàng, phá vỡ liên kết.
Liên kết cung ứng vật tư nuôi thuỷ sản	- HTX/THT không có vốn để tiếp tục mua sản phẩm hoặc thực hiện bảo lãnh ngân hàng. - Đại lý, công ty ngoài liên kết phá giá thị trường.
II. Liên kết bán sản phẩm đầu ra/bán tôm	
Liên kết để kiểm soát chất lượng đầu vào trong chế biến sản phẩm phục vụ cho thị trường xuất khẩu (kiểm soát kháng sinh, dư lượng chất)	- Người nuôi, thành viên HTX/THT có sử dụng thuốc cấm hoặc kháng sinh mà không khai báo. - Công ty mua không đúng lượng hoặc không thực hiện đúng hợp đồng đã ký. - Hình thức kéo lưới hoặc cân tôm còn tồn tại gian lận. - Người nuôi, thành viên HTX nhận thức chưa cao nên có những yêu cầu tăng thêm ngoài hợp đồng đã ký.

Liên kết để thu mua sản phẩm phục vụ nhau cầu chế biến sản phẩm đặc thù, sản phẩm giá trị gia tăng (tôm size to, tôm màu đẹp, tôm sống ôxy)	- Lượng thu mua quá ít, không đảm bảo nhu cầu. - Công ty mua không đúng lượng hoặc không thực hiện đúng hợp đồng đã ký. - Hình thức kéo lưới hoặc cân tôm còn tồn tại gian lận. - Người nuôi, thành viên HTX nhận thức chưa cao nên có những yêu cầu tăng thêm ngoài hợp đồng đã ký.
Liên kết để áp dụng hệ thống chứng nhận ASC, BAP, GLOBALGAP, VIETGAP, EU..	- Người nuôi, thành viên HTX/THT có sử dụng thuốc cấm hoặc kháng sinh mà không khai báo. - Công ty mua không đúng lượng hoặc không thực hiện đúng hợp đồng đã ký. - Hình thức kéo lưới hoặc cân tôm còn tồn tại gian lận. - Người nuôi, thành viên HTX nhận thức chưa cao nên có những nội dung không thực hiện theo hướng dẫn.
Liên kết để xây dựng thương hiệu sản phẩm (thương hiệu gắn với tôm rừng, tôm lúa, tôm sinh thái)	- Lượng thu mua quá ít, không đảm bảo nhu cầu. - Công ty mua không đúng lượng hoặc không thực hiện đúng hợp đồng đã ký. - Người nuôi, thành viên HTX nhận thức chưa cao nên có những yêu cầu tăng thêm ngoài hợp đồng đã ký.
Liên kết để đảm bảo lượng tôm phục vụ cho chế biến xuất khẩu (đảm bảo lượng lớn, ổn định)	- Người nuôi, thành viên HTX/THT có sử dụng thuốc cấm hoặc kháng sinh mà không khai báo. - Công ty mua không đúng lượng hoặc không thực hiện đúng hợp đồng đã ký. - Hình thức kéo lưới hoặc cân tôm còn tồn tại gian lận. - Người nuôi, thành viên HTX nhận thức chưa cao nên có những yêu cầu tăng thêm ngoài hợp đồng đã ký

Bước 3: Cần lựa chọn hình thức liên kết phù hợp

Bảng 10: Loại hình và hình thức liên kết phù hợp

Loại hình liên kết	Hình thức liên kết phù hợp
I. Liên kết cung ứng sản phẩm đầu vào cho HTX/THT.	
Liên kết cung ứng giống, vật tư nuôi thuỷ sản	- Mô hình tập trung.
Liên kết cung ứng thức ăn, thuốc, hoá chất, chế phẩm sinh học	Mô hình trung gian qua hệ thống đại lý tại địa phương.
II. Liên kết bán sản phẩm đầu ra/bán tôm	
Liên kết để thu mua sản phẩm phục vụ nhau cầu chế biến sản phẩm đặc thù, sản phẩm giá trị gia tăng (tôm size to, tôm màu đẹp, tôm sống ôxy)	- Mô hình tập trung. - Mô hình trung gian qua thương lái tại địa phương
Liên kết để áp dụng hệ thống chứng nhận ASC, BAP, GLOBALGAP, VIETGAP, EU...	- Mô hình tập trung.
Liên kết để xây dựng thương hiệu sản phẩm (thương hiệu gắn với tôm rừng, tôm lúa, tôm sinh thái)	- Mô hình tập trung. - Mô hình qua thương lái tại địa phương.
Liên kết để đảm bảo lượng tôm phục vụ cho chế biến xuất khẩu (đảm bảo lượng lớn, ổn định)	- Mô hình tập trung.

Bước 4: Thiết lập hợp đồng liên kếtchi tiết để tăng khả năng gắn kết (Tham khảo Phụ lục 1 để biên soạn hợp đồng).

Bước 5: Tổ chức lễ ký kết với sự tham gia của các bên liên quan. Liên kết càng nhiều bên thì ý thức giữ gìn liên kết của các bên càng cao.

3.3. Sự tham gia của chính quyền địa phương, các cơ quan chức năng và các bên liên quan trong liên kết

Sự tham gia của chính quyền địa phương, các cơ quan chức năng và các bên liên quan là yếu tố ĐẢM BẢO cho việc duy trì liên kết.

- Chính quyền, cơ quan chức năng tại địa phương tham gia càng SÂU – SÁT thì liên kết càng được đảm bảo và giữ vững.

- Sự tham gia của các bên liên quan góp phần nâng cao uy tín, hình ảnh và tạo ra các cơ hội để liên kết được duy trì, phát triển.

Sự tham gia cần thể hiện rõ vai trò, nhiệm vụ và tính cam kết – Chi tiết tham khảo Phụ lục 1.

Bổ sung hình ảnh hoạt động của nhiệm vụ dự án

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1) Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 ngày 20 tháng 6 năm 2013
2) Nghị định số 77/2019/NĐ-CP về Tổ hợp tác ngày 10 tháng 10 năm 2019
3) Cẩm nang ValueLinks Phương pháp luận để thúc đẩy chuỗi giá trị, GTZ, 2011
4) Phát triển chuỗi giá trị - công cụ gia tăng giá trị cho sản xuất nông nghiệp, GTZ, 2009
5) Bộ quy tắc về tham gia và vay vốn theo chuỗi giá trị tôm, Dự án SUSV, OXFAM, ICAFIS, 2018.
6) Đinh Xuân Lập – ICAFIS, 2023, Thúc đẩy liên kết chuỗi tôm tại ĐBSCL – bài học kinh nghiệm.
7) PGS, TS Nguyễn Phú Son, ĐH Cần Thơ, 2016, Quản trị chuỗi giá trị.
8) ICAFIS, 2019, 2020, Báo cáo đánh giá năng lực HTX nuôi tôm tại Sóc Trăng, Bạc Liêu.
9) FAO, 2014, Developing sustainable food value chains, Guiding principles
10) Nguyễn Đức Lộc, SCAP, 2019, Chuỗi giá trị và liên kết phát triển chuỗi giá trị.
11) Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, 2024 Nhiệm vụ "Xây dựng mô hình liên kết, hợp tác sản xuất trong ngành tôm thuộc đề án Tổng thể phát triển ngành công nghiệp tôm nước lợ Việt Nam đến năm 2030".

PHỤ LỤC 1. BỘ QUY TẮC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỘ QUY TẮC VỀ THAM GIA CHUỖI LIÊN KẾT SẢN XUẤT TÔM

Trên cơ sở hiểu biết về lợi ích và trách nhiệm gắn kết của từng thành viên tham gia chuỗi liên kết, chuỗi giá trị tôm;

Căn cứ vào quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam;

Chúng tôi gồm các thành viên tham gia chuỗi liên kết, chuỗi giá trị tôm, các đơn vị, tổ chức có liên quan trực tiếp đã thảo luận những quy định trong bộ quy tắc một cách dân chủ, bình đẳng, cẩn trọng và các bên đã hoàn toàn tự nguyện, cùng thống nhất ký tên và trở thành những quy định bắt buộc các bên phải tuân thủ.

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Mục tiêu ra đời Bộ quy tắc tham gia chuỗi liên kết, chuỗi giá trị tôm (sau đây gọi tắt là Bộ quy tắc).

Bộ Quy tắc đưa ra các quy định yêu cầu các bên liên quan trong tham gia chuỗi liên kết, chuỗi giá trị tôm (khi đã thống nhất ký tên) phải tuân theo trong quá trình từ cung ứng vật tư đầu vào, nuôi tôm thương phẩm, thu hoạch, thu mua, chế biến, tiêu thụ hoặc xuất khẩu tôm theo các mục tiêu sau:

1. Cung cấp sản phẩm đầu vào trong nuôi tôm đảm bảo chất lượng; đúng số lượng; đúng hạn sử dụng; có nguồn gốc xuất xứ; có đầy đủ hồ sơ; có hướng dẫn sử dụng rõ ràng;

2. Hợp tác nuôi tôm theo hướng sản xuất bền vững, thân thiện với môi trường, xã hội để tạo ra sản phẩm tôm sạch đạt các chứng nhận (Viet-GAP, ASC, BAP,...).

3. Thực hiện truy xuất nguồn gốc trong chuỗi; đầu tư có trách nhiệm; chia sẻ rủi ro, lợi ích và minh bạch hóa quá trình thương mại.

Điều 2: Phạm vi áp dụng

Bộ Quy tắc này áp dụng cho các bên liên quan tham gia một hay một số công đoạn trong chuỗi liên kết, chuỗi giá trị tôm (bao gồm bên cung ứng vật tư đầu vào, bên nuôi tôm thương phẩm, thu hoạch, thu mua, chế biến, tiêu thụ hoặc xuất khẩu tôm); các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh; Ngân hàng nhà nước Chi nhánh tỉnh; UBND tỉnh; Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh, các tổ chức đoàn thể, tổ chức xã hội nghề nghiệp khi tham gia vào các hoạt động của chuỗi giá trị tôm.

Điều 3: Giải thích từ ngữ

1. Chuỗi liên kết, chuỗi giá trị tôm là một chuỗi bao gồm toàn bộ các công đoạn từ cung ứng con giống, thức ăn, chế phẩm sinh học, thuốc thú y, hoá chất (những yếu tố đầu vào) đến công đoạn nuôi tôm thương phẩm, thu hoạch, thu mua, chế biến, tiêu thụ hoặc xuất khẩu (đầu ra). Các công đoạn trong chuỗi giá trị tôm liên kết với nhau thông qua các loại hợp đồng cung ứng và thu mua sản phẩm giữa các thành viên của các công đoạn trong chuỗi giá trị tôm.

2. Hợp đồng tương lai là một hợp đồng chuẩn hóa giữa hai bên nhằm trao đổi một tài sản cụ thể có chất lượng và khối lượng chuẩn hóa với giá thỏa thuận hôm nay, nhưng lại giao hàng vào một thời điểm cụ thể trong tương lai.

3. Hợp đồng kỳ hạn là một thoả thuận bằng văn bản giữa hai bên về việc mua hay bán một tài sản nào đó vào một thời điểm định trước trong

tương lai. Do vậy, trong loại hợp đồng này, ngày ký kết và ngày giao hàng là hoàn toàn tách biệt nhau. Trong hợp đồng kì hạn, một bên đồng ý mua, còn bên kia đồng ý bán, với một mức giá kì hạn được thống nhất trước, nhưng không có việc thanh toán tiền thật sự ngay thời điểm ký kết.

4. Truy xuất nguồn gốc sản phẩm thủy sản là khả năng theo dõi, nhận diện được một đơn vị sản phẩm thủy sản qua từng công đoạn của quá trình sản xuất nuôi trồng, chế biến và thương mại, phân phối.

5. Người nuôi tôm là cá thể, hộ nông dân, tổ hợp tác (THT) và thành viên, hợp tác xã (HTX) và thành viên, công ty, doanh nghiệp và tổ chức thực hiện hoạt động nuôi tôm.

Điều 4: Các nguyên tắc và điều kiện áp dụng Bộ quy tắc

1. Hợp tác, liên kết chuỗi giá trị tôm trên cơ sở tuân thủ luật pháp của Việt Nam, phù hợp với chuyên môn, trách nhiệm, quyền hạn và chức năng nhiệm vụ của mỗi bên trên tinh thần tự nguyện, bình đẳng cùng có lợi.

2. Hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình tham gia thực hiện trong chuỗi giá trị, không gây mâu thuẫn, không gây thiệt hại về uy tín và kinh tế cho mỗi bên;

3. Lợi ích của các thành viên tham gia các khâu trong chuỗi giá trị được bảo đảm công khai, minh bạch, thông qua trao đổi theo giá cả thị trường tại thời điểm giao dịch hoặc giá cả giao dịch do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tương lai, hợp đồng có kỳ hạn;

4. Thành viên tham gia chuỗi giá trị tôm cam kết tuân thủ các quy định trong bản quy tắc này. Các hành vi vi phạm được xử lý theo dẫn chiếu qui định tại Chương III.

5. Các thành viên tham gia chuỗi giá trị tôm thực hiện việc chia sẻ rủi ro theo thỏa thuận giữa các bên ghi trong hợp đồng kinh tế hoặc tham gia đóng phí bảo hiểm rủi ro với các hãng bảo hiểm, hoặc các thành viên trong chuỗi tự nguyện hình thành quỹ hỗ trợ rủi ro lẫn nhau.

6. Bộ quy tắc này chỉ có hiệu lực áp dụng khi các thành viên tham gia chuỗi giá trị tôm đã nghiên cứu, thảo luận và đồng ý ký tên trên mỗi trang và trang cuối cùng của bộ quy tắc; đồng thời bộ quy tắc đã được phê chuẩn bởi UBND tỉnh và chấp nhận đăng ký tại Sở Tư pháp của tỉnh;

7. Hoạt động của Quỹ cộng đồng (Quỹ hỗ trợ rủi ro) theo quy định riêng được các thành viên trong chuỗi giá trị tôm xây dựng và nhất trí thông qua.

CHƯƠNG II: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN THAM GIA CHUỖI LIÊN KẾT, CHUỖI GIÁ TRỊ TÔM

Điều 5: Trách nhiệm của bên sản xuất, cung ứng tôm giống

1. Cung ứng sản phẩm :

a) Cung cấp tôm giống đảm bảo: đúng chủng loại, đủ số lượng, đúng chất lượng, đồng đều kích cỡ, đảm bảo tôm khỏe mạnh, sạch bệnh, có hồ sơ truy xuất nguồn gốc đến tôm bố mẹ, có giấy tờ kiểm dịch.

b) Giá cung ứng tôm: được áp dụng theo giá công bố của công ty tại thời điểm bán và theo chính sách ưu đãi cho đối tượng khách hàng thực hiện liên kết chuỗi.

c) Địa điểm giao nhận: tại ao, đầm của người nuôi tôm.

d) Thời gian vận chuyển giao tôm: phải được bảo đảm trong vòng 18 giờ đồng hồ kể từ khi giao dịch được xác nhận, thời điểm giao phải là lúc sáng sớm (trước lúc 07 giờ sáng) hoặc từ 17-18 giờ trong ngày, thực hiện kiểm tra sức khỏe, số lượng tôm giống trước lúc thả.

e) Cử cán bộ kỹ thuật đến hiện trường nuôi tôm của người nuôi trong liên kết chuỗi giá trị để kiểm tra các chỉ số môi trường nước trước khi thu hoạch con giống và thả giống, hướng dẫn người nuôi điều chỉnh các yếu tố môi trường (nếu các yếu tố này chưa đảm bảo yêu cầu kỹ thuật) thuần giống trong trại ương tôm giống sao cho chênh lệch độ mặn với người nuôi tôm thả nuôi không quá 5%.

f) Thực hiện chính sách bảo hành sản phẩm trong 30 ngày đầu về chất lượng con giống, có chính sách chia sẻ rủi ro với người nuôi tôm nếu trong quá trình nuôi gặp các sự cố về dịch bệnh, thời tiết môi trường như: hỗ trợ bù giống, cho nợ gối đầu tiền giống hoặc cho vay ưu đãi.

g) Thông báo cho HTX/THT/người nuôi về người đại diện có thẩm quyền được Bên cung cấp tôm giống ủy quyền (nếu có) thực hiện hợp đồng với HTX/THT/người nuôi và thỏa thuận ký kết bổ sung hợp đồng theo đúng quy định của pháp luật.

2. Chính sách sau bán hàng:

a) Bên sản xuất cung ứng tôm giống có trách nhiệm đổi lại cho HTX-/THT/người nuôi tôm giống kém chất lượng xét trong bọc giống khi cung cấp (mắc 01 trong các loại bệnh: EHP, MBV, đốm trắng, đầu vàng, taura, EMS, hoại tử gan tụy...). Chi phí vận chuyển do Bên sản xuất cung ứng tôm giống chịu trách nhiệm.

b) Cử cán bộ kỹ thuật xuống ao nuôi của HTX/THT/người nuôi trong liên kết chuỗi giá trị để kiểm tra định kỳ, hỗ trợ kỹ thuật trong quá trình nuôi của các thành viên HTX/THT/người nuôi và hướng dẫn kiểm tra các yếu tố môi trường.

c) Tạo điều kiện tối thiểu 01 lần/năm cho các thành viên HTX/THT và các người nuôi trong liên kết chuỗi giá trị đến cơ sở của công ty để học tập, trao đổi kinh nghiệm về nuôi trồng, xử lý các trường hợp bất thường xảy ra đối với tôm nuôi và tìm hiểu cơ hội hợp tác.

Điều 6: Trách nhiệm của bên cung cấp hoá chất xử lý, chế phẩm sinh học, thức ăn và thiết bị đầu vào khác

1. Cung ứng sản phẩm :

a) Cung cấp sản phẩm cho HTX/THT/người nuôi phải đảm bảo: đúng chủng loại, quy cách, đủ số lượng, đúng chất lượng, còn hạn sử dụng, còn nguyên bao bì – nhãn mác, thức ăn đúng kích thước yêu cầu, không bị ẩm mốc, có hồ sơ truy xuất nguồn gốc sản phẩm, có giấy phép lưu hành sản phẩm.

b) Giá cung ứng: áp dụng theo giá công bố của công ty tại thời điểm bán và theo chính sách ưu đãi cho đối tượng khách hàng thực hiện liên kết chuỗi.

c) Địa điểm và thời gian giao nhận: do hai bên thỏa thuận, thống nhất.

d) Cử cán bộ kỹ thuật đến hiện trường để chuyển giao sản phẩm, lắp đặt sản phẩm, hướng dẫn kỹ thuật, cách sử dụng, cách pha trộn, bảo quản trong kho và bảo trì sản phẩm.

e) Thông báo cho HTX/THT/người nuôi về người đại diện có thẩm quyền được Bên cung ứng ủy quyền (nếu có) thực hiện hợp đồng với THT/HTX/người nuôi và thỏa thuận ký kết bổ sung hợp đồng theo đúng quy định của pháp luật.

2. Chính sách sau bán hàng :

a) Bên cung ứng có trách nhiệm đổi lại cho HTX/THT/người nuôi hàng hóa kém chất lượng hoặc bị hư hỏng do lỗi của nhà sản xuất (nếu có). Chi phí vận chuyển do phía Bên cung ứng chịu.

b) Cử cán bộ kỹ thuật đến hiện trường hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật việc sử dụng sản phẩm vào quá trình nuôi của các thành viên HTX/THT và người nuôi.

c) Tổ chức tối thiểu 01 lần/năm buổi học tập cho các thành viên HTX/THT và các người nuôi trong liên kết chuỗi giá trị đến cơ sở để học tập, chia sẻ kinh nghiệm về nuôi trồng, xử lý các trường hợp bất thường xảy ra đối với tôm nuôi và tìm hiểu cơ hội hợp tác.

Điều 7: Trách nhiệm của bên thu mua, chế biến, xuất khẩu tôm

1. Trách nhiệm trong liên kết:

a) Là Bên đứng đầu chuỗi khi sử dụng uy tín, thương hiệu của Bên thu mua, chế biến, xuất khẩu tôm để quảng bá, giới thiệu thương hiệu tôm Việt Nam với khách hàng quốc tế phải bảo đảm việc cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, cải thiện hình ảnh ngành hàng tôm Việt Nam.

b) Định kỳ cử nhân viên giám sát quá trình nuôi tôm và hỗ trợ việc tuân thủ các tiêu chuẩn về kỹ thuật tại vùng nuôi có ký kết liên kết chuỗi giá

trị với Bên thu mua, chế biến, xuất khẩu tôm.

c) Hỗ trợ các thành viên thuộc HTX/THT nuôi tôm đã ký kết liên kết chuỗi giá trị đạt các chứng nhận nuôi tôm bền vững (VietGAP, ASC, BAP, Global GAP...) và duy trì chứng nhận này trong những năm tiếp theo (dựa trên mục tiêu hướng tới của hai bên). Chủ động phối hợp với các bên lập kế hoạch và thực hiện các bước để triển khai các hoạt động nhằm đạt chứng nhận tiêu chuẩn nuôi tôm bền vững cho vùng nuôi tôm có liên kết chuỗi giá trị.

d) Hỗ trợ người nuôi tôm trong bảo vệ môi trường, tăng cường phối hợp, trao đổi thông tin để thực hiện nuôi tôm hiệu quả. Bên thu mua, chế biến, xuất khẩu tôm có thể hỗ trợ tiền mặt cho người nuôi tôm tham gia chuỗi giá trị để cải thiện mặt nước thả giống và mặt nước nuôi tôm. Chi phí này sẽ được thực hiện khi hộ ký thỏa thuận và đo đạc diện tích mặt nước nuôi của từng hộ tham gia và hộ cung cấp bản photo quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê đất để làm cơ sở tính diện tích và chứng minh tính pháp lý.

2. Tổ chức thu mua:

a) Tổ chức thu mua tôm thương phẩm của HTX/THT/người nuôi tôm đã ký kết liên kết chuỗi giá trị theo các điều kiện sau:

- Mặt hàng: Tôm sú, tôm thẻ.
- Kích cỡ: Theo kích cỡ thống nhất giữa Bên nuôi và công ty thu mua.
- Sản lượng: Theo sản lượng thống nhất giữa hai bên.
- Chất lượng sản phẩm: Tôm nuôi không tồn dư kháng sinh và một số chất cấm theo quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT; hoặc tôm nuôi có chứng nhận cho vùng nuôi.
- Thời gian kiểm kháng sinh: Theo thống nhất giữa hai bên.
- Địa điểm mua bán: Tại ao. Trường hợp đợt đánh bắt có ít thành viên của HTX/THT thì:

+ Đại diện HTX/THT thông báo cho nhà máy trước 24 giờ để tổ chức thu mua tôm thuận lợi.

+ Thành viên nuôi vận chuyển tôm thương phẩm tới nhà máy chế biến của công ty và được nhà máy hỗ trợ tiền xăng xe vận chuyển.

- Hình thức thu mẫu: Dùng một loại lưới để thu mẫu, thu ngẫu nhiên, đảm bảo tính đại diện chung.

- Hình thức cân tôm: Đảm bảo công khai, minh bạch, không gian lận (khuyến khích dùng cân điện tử và có cục bo để kiểm tra sai lệch).

b) Giá thu mua:

- Được phân loại theo chất lượng và kích cỡ tôm thu mua.

- Giá mua theo giá thị trường từng thời điểm đối với loại tôm không yêu cầu màu sắc, không kiểm kháng sinh.

- Giá mua cao hơn thị trường từng thời điểm đối với tôm đạt yêu cầu về màu sắc sáng bóng, không bị nhiễm kháng sinh (tỷ lệ% chênh lệch được thống nhất giữa bên bán và bên mua và được ghi rõ trong hợp đồng liên kết).

- Giá thị trường được xác định là giá trung bình của 2 công ty và 1 đại lý lớn nhất tại tỉnh, được xác định bởi các bên tham gia trong chuỗi và được xác nhận bởi cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản.

c) Thời gian thu mua: Mọi thời điểm trong năm, trừ những ngày nghỉ lễ tết theo quy định của Nhà nước. Khi có kế hoạch thu hoạch tôm bên nuôi tôm phải có trách nhiệm thông báo cho Bên thu mua, chế biến, xuất khẩu tôm chậm nhất 24 giờ trước khi thu hoạch.

d) Phương thức giao nhận:

- Bên thu mua, chế biến, xuất khẩu tôm cử nhân viên đến kiểm tra cảm quan chất lượng tôm, lấy mẫu kiểm tra kháng sinh (nếu có) để xác định giá mua. Thời gian thông báo kết quả kiểm tra kháng sinh tối đa 12 giờ kể từ thời gian lấy mẫu.

- Trong trường hợp thu mua trước khi có kết quả, Bên thu mua, chế biến, xuất khẩu tôm sẽ thu mua trước và thông báo kết quả kiểm tra kháng sinh sau để làm căn cứ tính giá mua như thỏa thuận, bên nuôi tôm sẽ giữ mẫu tôm làm đối chứng trong trường hợp có tranh chấp.

- Bên thu mua, chế biến, xuất khẩu tôm có trách nhiệm sắp xếp phương tiện vận chuyển, công cụ, dụng cụ thu hoạch và công nhân đến thu hoạch, định lượng, muối ướp... đảm bảo thu hoạch hết lượng tôm trong ao

nuôi của bên nuôi tôm.

- Số lượng tối thiểu cho một lần thu hoạch được thực hiện theo thỏa thuận thống nhất giữa hai bên.

- Chi phí thu hoạch, định lượng, kiểm tra mẫu, muối ướp và vận chuyển do Bên thu mua, chế biến, xuất khẩu tôm chịu.

e) Đầu tư chi phí nuôi tôm: Trường hợp bên nuôi tôm có nhu cầu đầu tư thức ăn nuôi tôm trong quá trình nuôi, Bên thu mua, chế biến, xuất khẩu tôm có trách nhiệm đầu tư ứng trước chi phí nuôi tôm bằng hình thức cung cấp thức ăn trực tiếp cho người nuôi tôm hoặc chuyển khoản tiền thức ăn nuôi tôm cho bên cung cấp thức ăn qua ngân hàng theo giá gốc của nhà sản xuất. Các điều kiện trong đầu tư ứng trước chi phí nuôi tôm cũng như thanh toán trước tiền được thỏa thuận, thống nhất giữa hai bên và phải được lập thành văn bản.

f) Phương thức thanh toán: Bên thu mua, chế biến, xuất khẩu tôm thanh toán cho bên nuôi tôm giá trị tiền hàng bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của người nuôi tôm hoặc tài khoản HTX/THT qua ngân hàng trong 24 giờ kể từ khi kết thúc thu hoạch, trừ những ngày nghỉ lễ, tết theo quy định hiện hành của Nhà nước. Trường hợp Bên thu mua, chế biến, xuất khẩu tôm có đầu tư ứng trước chi phí thức ăn nuôi tôm cho bên nuôi tôm thì Bên thu mua, chế biến, xuất khẩu tôm sẽ đối trừ tất cả chi phí đầu tư vào tiền mua tôm trước khi thanh toán.

Điều 8: Trách nhiệm của THT/HTX nuôi tôm

1. Trách nhiệm của HTX/THT đối với công ty sản xuất tôm giống:

a) Tổng hợp nhu cầu về tôm giống của từng thành viên do hai bên thỏa thuận giá trị lượng tôm giống cần mua để đặt hàng cho Bên sản xuất tôm giống cân đối sản xuất, và sẽ thanh toán ngay khi nhận đủ tôm bằng hình thức chuyển khoản hoặc theo thỏa thuận giữa hai bên.

b) Gửi thông báo nhu cầu cần được cung cấp tôm giống (về loại tôm, số lượng con giống, địa điểm nhận, thời gian nhận tôm, số điện thoại liên

hệ,...) cho Bên sản xuất tôm giống bằng văn bản hoặc qua điện thoại, fax, email để phía Bên tôm giống đặt kế hoạch sản xuất. Thông báo đặt hàng gửi trước 30– 45 ngày làm việc (Theo BM01).

c) Tập hợp và lưu giữ các hồ sơ truy xuất nguồn gốc bố mẹ, con giống và các giấy tờ kiểm dịch liên quan từ công ty tôm giống.

d) Bố trí người trực tiếp đến trại sản xuất, hoặc đại lý của Bên sản xuất tôm giống để kiểm tra mẫu tôm giống dự kiến Bên cung ứng cho HTX-/THT, chi phí đi lại do Bên sản xuất tôm giống chịu và được khấu trừ vào giá bán tôm giống.

e) Hướng dẫn, kiểm tra thành viên của mình thực hiện đúng quy trình kỹ thuật thả nuôi theo sự hướng dẫn của kỹ thuật và khuyến cáo của Bên sản xuất tôm giống và các cơ quan chuyên môn địa phương.

f) Thông báo ngay cho Bên sản xuất tôm giống về diễn biến thời tiết bất thường, tình hình dịch bệnh và các dấu hiệu bất lợi trên tôm nuôi để Bên cung ứng tôm giống cử cán bộ kỹ thuật hỗ trợ xử lý, hạn chế thiệt hại.

g) Hướng dẫn, kiểm tra thành viên thực hiện việc ghi chép nhật ký ao nuôi để theo dõi các thông tin về: lượng cho ăn, môi trường nước, giám sát số lượng tôm theo lượng cho ăn hằng ngày, tỷ lệ chết,... (BM02).

h) Thanh toán bằng chuyển khoản trong vòng 30 ngày cho Bên sản xuất tôm giống theo quy định hoặc theo thỏa thuận của 2 Bên kể từ ngày Bên sản xuất tôm giống có văn bản chấp thuận thông báo đặt hàng của HTX/THT. Trong trường hợp Bên sản xuất tôm giống cần bảo lãnh ngân hàng thì HTX/THT phải có bảo lãnh ngân hàng cho các lần mua hàng.

k) Cam kết sử dụng hàng hóa theo khu vực đã được thỏa thuận với Bên sản xuất tôm giống.

i) Có quyền chấm dứt hợp đồng khi con giống của Bên sản xuất tôm giống kém chất lượng.

2. Trách nhiệm của HTX/THT đối với Bên thu mua, chế biến, xuất khẩu tôm:

a) Cung cấp hồ sơ/danh sách số người nuôi tôm công nghiệp và

nuôi tôm quảng canh trên địa bàn, thông tin về hộ dân chi tiết như BM05. Hồ sơ này phải được cập nhật hàng năm.

b) Tuân thủ thực hiện theo hướng dẫn kỹ thuật của Bên thu mua, chế biến, xuất khẩu tôm về thực hiện chứng nhận quốc tế, trong nước bao gồm việc cung cấp đầy đủ các thủ tục pháp lý, thực hành theo đúng quy trình/tiêu chuẩn/quản lý môi trường/điều kiện ao nuôi/chất lượng sản phẩm...

c) Khi thu hoạch tôm cần đánh mẫu trước và báo cho Bên thu mua, chế biến, xuất khẩu trước 24 giờ, giá mua được thống nhất như hợp đồng đã ký giữa Bên thu mua, chế biến, xuất khẩu và HTX/THT. Trong trường hợp nhận được thông báo của thành viên về việc gặp sự cố bất thường thì thương thảo với Bên thu mua, chế biến, xuất khẩu để quyết định mua bán và giá cả mà không phụ thuộc vào hợp đồng đã ký, cho phép hộ dân có quyền bán ra ngoài nếu không thống nhất được giá bán. Trường hợp thành viên của HTX-/THT bán tôm ra ngoài thì đại diện HTX/THT phải thu lại các khoản chi phí ứng trước để hoàn trả cho Bên thu mua, chế biến, xuất khẩu đã ứng ra trước đó.

d) Phối hợp với Sở NN&PTNT, Bên thu mua, chế biến, xuất khẩu tôm và UBND Xã trong việc tuyên truyền cũng như kiểm tra, giám sát đến từng người nuôi thủy sản kết hợp bảo vệ môi trường, hệ sinh thái và các quy định của nuôi tôm theo tiêu chuẩn.

e) Phân công cán bộ đủ năng lực của HTX/THT thực hiện các công việc đăng ký hộ nuôi, vẽ mới và cập nhật sơ đồ hiện trạng sản xuất của hộ nuôi.

f) Tổ chức thu dọn vệ sinh sạch sẽ (cắt cỏ, dọn đường đi, kênh rạch,...) trong khu vực nuôi đáp ứng tiêu chuẩn vùng nuôi.

g) Vận động các thành viên HTX/THT tự trang bị hoàn thiện điều kiện đáp ứng tiêu chuẩn về phần cứng như thùng rác, hố xí tự hoại, bờ bao, cống cấp, thoát nước, an toàn điện ... tại gia đình

h) Vận động các thành viên HTX/THT tham gia các khóa tập huấn hướng dẫn kỹ thuật theo quy định của tiêu chuẩn, tuân thủ các điều khoản hợp đồng đã ký với Bên thu mua, chế biến, xuất khẩu.

Điều 9: Trách nhiệm của người nuôi tôm

1. Trách nhiệm của người nuôi tôm là thành viên của HTX/THT:

a) Đăng ký nhu cầu về tôm giống cần mua cho HTX/THT để đặt hàng cho Bên sản xuất tôm giống.

b) Tiếp nhận và kiểm tra tôm giống, vật tư đầu vào theo đúng số lượng, chất lượng đã ký kết.

c) Cung cấp hồ sơ, thông tin chi tiết theo yêu cầu của thành viên cho HTX/THT để lập BM05 (hồ sơ được cập nhật hàng năm).

d) Tuân thủ nuôi tôm theo yêu cầu kỹ thuật của Bên thu mua, chế biến, xuất khẩu và phù hợp với khuyến cáo của Bên cung ứng con giống, thức ăn, chế phẩm sinh học, các cơ quan chuyên môn địa phương để đảm bảo chất lượng tôm nuôi. Tạo điều kiện thuận lợi cho Bên thu mua, chế biến, xuất khẩu tới kiểm tra quy trình nuôi, lấy mẫu phân tích, tổ chức cho khách hàng tham quan theo yêu cầu của Bên thu mua. Đề xuất phương án lên Ban Giám đốc HTX/THT để cải tiến quy trình nuôi tôm.

e) Tạo điều kiện cho cán bộ Bên thu mua, chế biến, xuất khẩu theo dõi, giám sát quá trình thu hoạch và cân tôm để đảm bảo quá trình này được công khai, minh bạch, công bằng, thực hiện ghi phiếu, nhật ký xuất (BM04). Có trách nhiệm lưu mẫu tôm để kiểm tra đối chứng khi cần thiết (mẫu tôm được chỉ định và niêm phong bởi Bên thu mua, chế biến, xuất khẩu).

f) Thông báo ngay cho HTX/THT và cán bộ kỹ thuật của công ty về diễn biến thời tiết, môi trường bất thường, tình hình dịch bệnh và các dấu hiệu bất lợi trên tôm nuôi để HTX/THT đề nghị Bên cung ứng tôm giống cử cán bộ kỹ thuật của công ty hỗ trợ xử lý, hạn chế thiệt hại.

g) Thực hiện việc ghi chép nhật ký sản xuất (BM02); Nhật ký nhập giống, nguyên liệu, vật tư, thức ăn (BM03) theo hướng dẫn của HTX/THT.

h) Giao, bán tôm hàng hóa theo đúng quy cách về phẩm chất, số lượng theo thực tế thu hoạch, đúng thời gian, địa điểm giao hàng đã được hai bên thống nhất.

i) Cam kết bán tôm theo đúng khung bảng giá đã thoả thuận trong

hợp đồng. Không phá vỡ hợp đồng và chạy theo giá thị trường ở từng thời điểm. Trong trường hợp gặp sự cố bất thường thì phải thông báo trước ít nhất 03 giờ lên HTX/THT để thương thảo mua bán và giá cả với Bên thu mua, chế biến, xuất khẩu chứ không phụ thuộc vào hợp đồng đã ký, nếu không thống nhất được giá bán, hộ nuôi tôm có quyền bán ra ngoài.

k) Thu dọn vệ sinh sạch sẽ (cắt cỏ, dọn đường đi, kênh rạch,...) trong khu vực nuôi sạch để đáp ứng tiêu chuẩn vùng nuôi.

l) Tự trang bị hoàn thiện điều kiện đáp ứng tiêu chuẩn về phần cứng như thùng rác, hố xí tự hoại, bờ bao, cống cấp, thoát nước, an toàn điện ... tại gia đình.

m) Tham gia các khóa tập huấn hướng dẫn kỹ thuật theo quy định của tiêu chuẩn, tuân thủ các điều khoản hợp đồng đã ký với Bên thu mua, chế biến, xuất khẩu.

n) Phải mở tài khoản tại ngân hàng để thực hiện các giao dịch thanh toán mua bán bằng chuyển khoản qua ngân hàng với các Bên trong chuỗi giá trị tôm với các khoản thanh toán từ 200.000 đồng trở lên.

2. Trách nhiệm của người nuôi tôm quy mô lớn (có diện tích ao nuôi tôm từ 5 ha trở lên):

a) Đăng ký nhu cầu về tôm giống cần mua cho Bên sản xuất tôm giống để đặt hàng.

b) Tiếp nhận và kiểm tra tôm giống, vật tư đầu vào theo đúng số lượng, chất lượng đã ký kết với Bên sản xuất tôm giống.

c) Cung cấp hồ sơ, thông tin chi tiết của mình (BM05) cho các bên đối tác của chuỗi giá trị tôm theo yêu cầu, hồ sơ được cập nhật hàng năm.

d) Tuân thủ nuôi tôm theo yêu cầu kỹ thuật của Bên thu mua, chế biến, xuất khẩu và phù hợp với khuyến cáo của Bên cung ứng con giống, thức ăn, chế phẩm sinh học, các cơ quan chuyên môn địa phương để đảm bảo chất lượng tôm nuôi. Tạo điều kiện thuận lợi cho Bên thu mua, chế biến, xuất khẩu tới kiểm tra quy trình nuôi, lấy mẫu phân tích, tổ chức cho khách hàng tham quan theo yêu cầu của Bên thu mua.

e) Tạo điều kiện cho cán bộ Bên thu mua, chế biến, xuất khẩu theo dõi, giám sát quá trình thu hoạch và cân tôm để đảm bảo quá trình này được công khai, minh bạch, công bằng, thực hiện ghi phiếu, nhật ký xuất (BM04). Có trách nhiệm lưu mẫu tôm để kiểm tra đối chứng khi cần thiết (mẫu tôm được chỉ định và niêm phong bởi Bên thu mua, chế biến, xuất khẩu).

f) Thông báo ngay cho Bên cung ứng tôm giống về diễn biến thời tiết, môi trường bất thường, tình hình dịch bệnh và các dấu hiệu bất lợi trên tôm nuôi để Bên cung ứng tôm giống cử cán bộ kỹ thuật hỗ trợ xử lý, hạn chế thiệt hại.

g) Thực hiện việc ghi chép nhật ký sản xuất (BM02); Nhật ký nhập giống, nguyên liệu, vật tư, thức ăn (BM03).

h) Giao, bán tôm hàng hóa theo đúng quy cách về phẩm chất, số lượng theo thực tế thu hoạch, đúng thời gian, địa điểm giao hàng đã được hai bên thống nhất.

i) Cam kết bán tôm theo đúng khung bảng giá đã thoả thuận trong hợp đồng. Không phá vỡ hợp đồng và chạy theo giá thị trường ở từng thời điểm. Trong trường hợp gặp sự cố bất thường thì phải thông báo trước ít nhất 02 giờ cho Bên thu mua, chế biến, xuất khẩu để thương thảo việc mua bán và giá cả mà không phụ thuộc vào hợp đồng đã ký, nếu không thống nhất được giá bán, hộ nuôi tôm có quyền bán ra ngoài.

k) Thu dọn vệ sinh sạch sẽ (cắt cỏ, dọn đường đi, kênh rạch,...) trong khu vực nuôi sạch để đáp ứng tiêu chuẩn vùng nuôi.

l) Tự trang bị hoàn thiện điều kiện đáp ứng tiêu chuẩn về phần cứng như thùng rác, hố xí tự hoại, bờ bao, cống cấp, thoát nước, an toàn điện ... tại gia đình.

m) Tham gia các khóa tập huấn hướng dẫn kỹ thuật theo quy định của tiêu chuẩn, tuân thủ các điều khoản hợp đồng đã ký với Bên thu mua, chế biến, xuất khẩu.

n) Phải mở tài khoản tại ngân hàng để thực hiện các giao dịch thanh toán mua bán bằng chuyển khoản qua ngân hàng với các Bên trong chuỗi

giá trị tôm với các khoản thanh toán từ 200.000 đồng trở lên.

Điều 10: Trách nhiệm của UBND tỉnh

1. Tạo điều kiện thuận lợi để người nuôi tôm phối hợp với các bên liên quan khác trong chuỗi giá trị (như Bên cung ứng vật tư đầu vào, cung ứng giống,...) thực hiện thành công việc tham gia và vay vốn theo chuỗi giá trị tôm.

2. Hỗ trợ các thủ tục pháp lý cần thiết, chứng thực và xác nhận hồ sơ của các người nuôi tôm để được nhận hỗ trợ (nếu có) của bên cung ứng đầu vào, bên tiêu thụ đầu ra. Giám sát, đôn đốc việc thực hiện các nội dung trong hợp đồng cung ứng và hợp đồng thu mua giữa các bên tham gia chuỗi giá trị tôm

3. Tạo điều kiện thuận lợi cho các đoàn khách trong nước và Quốc tế hoặc khách hàng mua tôm,... tham quan và làm việc tại vùng nuôi khi có lịch.

4. Tùy theo nội dung và mức độ vi phạm của các bên tham gia chuỗi giá trị tôm, UBND tỉnh và ngành chức năng liên quan ra các quyết định xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật.

5. Chỉ đạo các ngành chức năng phối hợp hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý, điều hành của THT, HTX nhằm thực hiện được trách nhiệm theo quy định trong bộ quy tắc này.

Điều 11: Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Hỗ trợ các bên tham gia chuỗi giá trị tôm trong việc tham vấn, đàm phán và tư vấn kỹ thuật nuôi tôm; hỗ trợ một số nội dung chuyên ngành liên quan đến tiếp cận vốn vay theo yêu cầu của các tổ chức tín dụng.

2. Chỉ đạo các đơn vị chuyên môn tham gia hỗ trợ các bên liên quan và các hoạt động tham gia và vay vốn theo chuỗi giá trị tôm.

3. Tranh thủ và kết hợp các hoạt động của các dự án khác (nếu có) nhằm hỗ trợ việc tham gia và vay vốn theo chuỗi giá trị tôm có hiệu quả hơn.

4. Hướng dẫn và thống nhất về quy trình nuôi tôm.

5. Hướng dẫn và hỗ trợ việc xử lý nước thải, chất thải, dịch bệnh (nếu có) và thực hiện tốt các quy định về bảo vệ môi trường trong nuôi trồng thủy sản.

6. Tuyên truyền, vận động các bên tham gia chuỗi giá trị tôm.

Điều 12: Trách nhiệm của các tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, viện nghiên cứu

1. Xác nhận các thành viên tham gia trong chuỗi giá trị thông qua bản đăng ký bộ quy tắc ứng xử.

2. Cung ứng dịch vụ tư vấn kỹ thuật trong quá trình triển khai sản xuất theo chuỗi giá trị tôm, các dịch vụ về đầu ra và chất lượng của sản phẩm cho các bên tham gia chuỗi giá trị tôm.

3. Vận động và giám sát việc thực hiện của hội viên về các quy định trong bộ quy tắc này, hỗ trợ hội viên nuôi tôm sạch theo các tiêu chuẩn đã đăng ký.

4. Bảo vệ lợi ích hợp pháp của hội viên khi bị xâm phạm

4. Hướng dẫn và thống nhất về quy trình nuôi tôm.

5. Hướng dẫn và hỗ trợ việc xử lý nước thải, chất thải, dịch bệnh (nếu có) và thực hiện tốt các quy định về bảo vệ môi trường trong nuôi trồng thủy sản.

6. Tuyên truyền, vận động các bên tham gia chuỗi giá trị tôm.

CHƯƠNG III: XỬ LÝ VI PHẠM ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN THAM GIA CHUỖI LIÊN KẾT, CHUỖI GIÁ TRỊ TÔM

Điều 13: Chế tài xử lý các thành viên tham gia và vay vốn chuỗi giá trị tôm vi phạm

1. Xử phạt các hành vi vi phạm về nuôi trồng thủy sản của các thành viên tham gia và vay vốn chuỗi giá trị tôm được thực hiện theo các

quy định hiện hành của pháp luật xử lý về hành chính.

2. Thực hiện trách nhiệm bồi thường khi gây ra những thiệt hại của các thành viên trong chuỗi giá trị tôm theo Hợp đồng dân sự đã ký kết giữa các thành viên trong chuỗi giá trị tôm, áp dụng theo Điều 418 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về thỏa thuận phạt vi phạm như sau:

1. Phạt vi phạm là sự thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng, theo đó bên vi phạm nghĩa vụ phải nộp một khoản tiền cho bên bị vi phạm.

2. Mức phạt vi phạm do các bên thỏa thuận, trừ trường hợp luật liên quan có quy định khác.

3. Các bên có thể thỏa thuận về việc bên vi phạm nghĩa vụ chỉ phải chịu phạt vi phạm mà không phải bồi thường thiệt hại hoặc vừa phải chịu phạt vi phạm và vừa phải bồi thường thiệt hại.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về phạt vi phạm nhưng không thỏa thuận về việc vừa phải chịu phạt vi phạm và vừa phải bồi thường thiệt hại thì bên vi phạm nghĩa vụ chỉ phải chịu phạt vi phạm.

4. Áp dụng xử phạt theo hình thức khai trừ ra khỏi chuỗi giá trị tôm đối với các thành viên trong chuỗi giá trị tôm khi vi phạm lần 3 các quy định của Bộ quy tắc (từ Điều 5 đến Điều 9) sau khi đã được cảnh cáo, nhắc nhở, xử phạt (theo khoản 1 Điều 15) và bồi thường (theo khoản 2 Điều 15), từ đó gây ra những thiệt hại nghiêm trọng trong quá trình tham gia chuỗi giá trị tôm.

CHƯƠNG IV: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14: Trách nhiệm thi hành

1. Các quy định trong Bộ quy tắc có giá trị thi hành đối với tất cả các thành viên tham gia trong chuỗi giá trị tôm sau khi các thành viên đã thống nhất thông qua và ký tên. Bộ quy tắc này phải được đăng ký tại Sở Tư pháp và Ủy Ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định công nhận.

2. Việc thi hành xử phạt các hành vi vi phạm của các thành viên

tham gia trong chuỗi giá trị tôm được áp dụng theo quy định của Bộ quy tắc và quy định trong văn bản quy phạm pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản đã được nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam công nhận.

3. Các thành viên tham gia chuỗi giá trị tôm, các thành viên chuỗi giá trị tôm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh, Sở Tư pháp tỉnh và UBND tỉnh/huyện/xã chịu trách nhiệm thi hành Bộ quy tắc này.

Điều 15: Hiệu lực thi hành

Bộ quy tắc này có hiệu lực thi hành kể từ ngày.....tháng.....năm...

PHỤC LỤC 2. CÁC BIỂU MẪU

BM01: KẾ HOẠCH SẢN XUẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngày.....tháng.....năm 20...

PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM
THT/HTX.....

I. THÔNG TIN CHUNG CỦA HỢP TÁC XÃ, TỔ HỢP TÁC

1. Đại diện tổ hợp tác:

2. Chức vụ:

2. Địa chỉ:

3. Căn cước công dân:

II. HIỆN TRẠNG SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM

1. Quy mô, đối tượng sản xuất của THT/HTX:

- Quy mô:
- Địa điểm sản xuất:

- Đối tượng sản xuất:

2. Phương thức sản xuất:

3. Sơ đồ quy trình sản xuất thủy sản thương phẩm

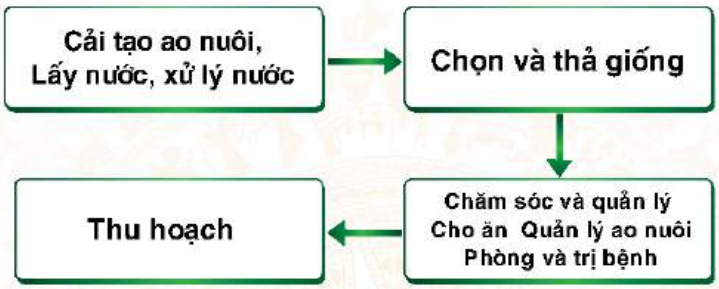

4. Chuẩn bị hệ thống nuôi trước khi thả tôm

5. Xử lý nước và lấy nước vào ao nuôi:

7. Chọn và thả giống nuôi

a. Chọn giống:

b. Thả giống:

- Mật độ thả:
- Cách thả:

8. Chăm sóc và quản lý:

a. Cho ăn

b. Quản lý môi trường ao nuôi:

c. Quản lý sức khỏe tôm nuôi

9. Thu hoạch:

9. Năng suất, sản lượng :

10. Thị trường, kênh tiêu thụ:

11. Hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường:

III. PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM

1. Về sản xuất:

11. Địa điểm triển khai:

12. Kỹ thuật áp dụng:

13. Hiệu quả kinh tế:

Bảng: Hạch toán hiệu quả kinh tế 01 vụ/ha

TT	Nội dung	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	**Chi phí sản xuất**			
1	Khấu hao công trình và thiết bị			
2	Thức ăn			
3	Giống			
4	Thuốc, hoá chất, vi sinh			
5	Chi khác			
II	**Tổng thu**			
1	Sản lượng tôm (kg)			
2	Giá bán			
III	**Lợi nhuận (II)-(I)**			

2. Về liên kết tiêu thụ sản phẩm: Dự kiến liên kết tiêu thụ:

3. Thời gian và tiến độ triển khai:

4. Tổ chức thực hiện

5. Hiệu quả: Kinh tế, xã hội, môi trường, duy trì nhân rộng:

6. Chương trình kiểm tra, đánh giá chứng nhận VietGAP trong nuôi thủy sản

IV. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

4.1. Kết luận

4.2. Kiến nghị

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ/PHƯỜNG HOẶC CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG

TỔ TRƯỞNG

BIỂU MẪU
BM01: PHIẾU ĐĂNG KÝ NHU CẦU GIỐNG

Kính gửi: Công ty.....

Để chuẩn bị cho đợt thả giống tiếp theo của thành viên HTX/THT, chúng tôi đăng ký lượng giống sẽ lấy trong đợt tới như sau:

STT	Loại giống	Kích cỡ	Số lượng	Ngày giao	Nơi giao
Chỉ tiêu môi trường cần thuần cho tôm giống					
1	**pH**				
2	**Nhiệt độ**				
3	**Độ mặn**				

Ngày....tháng.....năm....

Giám đốc HTX/THT

(Ký, đóng dấu)

BM02: NHẬT KÝ AO NUÔI
NHẬT KÝ AO NUÔI TÔM SỐ ....
THÔNG TIN VỀ TRẠI NUÔI TÔM

Chủ trại nuôi tôm:.....
Địa chỉ: .....
Tổng Diện tích (ha):.....
Số lượng ao nuôi (ao)..... Diện tích/ao (m^2).....
Số lượng ao lắng (ao)..... Diện tích/ao (m^2).....
Diện tích ao lắng..... Diện tích ao chứa thải/bùn.....

THÔNG TIN CHUẨN BỊ AO NUÔI

- Cải tạo ao nuôi

+ Hút bùn..... + Dùng vị sinh..... Dùng hóa chất.....
+ Cày ao..... + Phơi đáy ao (ngày)..... Rửa ao (lần).....
+ PH đất..... + Chất đất.....
+ Hóa chất cải tạo: - CaO (kg/1000m^2)..... - $CaCO_3$(kg/1000m^2).....
- Mg (CO_3) (kg/1000m^2)..... - Loài khác (kg/1000m^2).....

- Xử lý nước

+ Hóa chất.....Liều lượng (ppm).....
+ Loài khác.....Liều lượng (ppm).....
+ Men vi sinh.....Liều lượng (ppm).....

- Gây màu nước

+ Phân vô cơ.....Liều lượng (kg/1000m^2).....
+ Phân hữu cơ.....Liều lượng (kg/1000m^2).....
+ Loài khác.....Liều lượng (kg/1000m^2).....

THÔNG TIN VỀ CON GIỐNG

Nguồn giống:.....

Ngày thả giống:.....

Giấy kiểm dịch:.....

Mật độ thả (Con/m²)..... Kích cỡ giống.....

Số lượng cánh quạt (cái).....

Ngày	Ước lượng khối lượng tôm (kg)	Lượng thức ăn (kg/lần)					Liều lượng bổ sung vitamin và các dưỡng chất khác	Chất lượng nước (pH, Oxy, Kiềm, Độ mặn, TAN...	Ghi chú khác
		Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	Lần 5			
1									
2									
3									
4									
5									

BM03: NHẬT KÝ NHẬP

*** Nhập thuốc hóa chất**

Ngày tháng	Loại thuốc/ Hóa chất	Số lô	Nhập (Tồn đầu)	Xuất	Tồn	Người kiểm tra	Ghi chú

*** Nhập thức ăn**

Ngày tháng	Loại thức ăn – cỡ	Số lô	Nhập (Tồn đầu)	Xuất	Tồn	Người kiểm tra	Ghi chú

*** Nhập giống**

Ngày tháng	Loại giống	Kích cỡ	Số lượng (vạn con)	Người giao	Người nhận

BẢNG GHI CHÉP NHẬT KÝ NUÔI TÔM

Ao số:.....

Diện tích:..... **Giống thả:.....**

Mật độ:..... **Ngày thả giống:.....**

Ngày	Ước lượng KL tôm (kg)	Lượng thức ăn (kg/lần)					Liều lượng bổ sung vitamin và thuốc hóa chất khác		Chất lượng nước						Ghi chú
		Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	Lần 5	Loại thuốc	Liều lượng	pH	Oxy (ppm)	Kiềm (ppm)	Độ mặn	TAN	Nhiệt độ	
1															
2															
3															
4															
5															

BM04: NHẬT KÝ XUẤT TÔM

Ngày thu	Loài tôm	Size	Sản lượng (Kg)	Đơn giá	Người phụ trách mua (Ghi rõ họ tên, ký xác nhận)	Chủ hộ (Ghi rõ họ tên, ký xác nhận)

BM05: HỒ SƠ HTX/THT

HỒ SƠ HỢP TÁC XÃ.....

Tên THT/HTX: .....

Địa chỉ THT/HTX:.....

Tổng thành viên:..... Chủ nhiệm/Tổ trưởng THT/HTX:.....

Thời gian vụ nuôi chính: Tháng .....đến tháng.....,

Tổng diện tích nuôi của THT/HTX: Quảng canh.....ha: Thâm Canh.....ha

STT	Tên thành viên tham gia	Địa chỉ	SĐT	Tổng diện tích (ha)	Thông tin chung về diện tích, sản lượng và kích cỡ tôm khi thu hoạch của các thành viên trong các THT/HTX												
					Mô hình nuôi (ha)		Số lượng ao nuôi (ao)		Sản lượng tôm thu hoạch (tấn/vụ)			Kích cỡ tôm thu hoạch (con/kg)			Số vụ/năm (vụ/năm)		
					Thâm canh	Quảng canh	Thâm canh	Quảng canh	*Tôm thẻ (thâm canh)*	*Tôm sú (thâm canh)*	*Tôm sú (quảng canh)*	*Tôm thẻ (thâm canh)*	*Tôm sú (thâm canh)*	*Tôm sú (quảng canh)*	*Tôm thẻ (thâm canh)*	*Tôm sú (thâm canh)*	*Tôm sú (quảng canh)*
1																	
2																	
3																	
4																	
5																	
6																	
7																	
8																	
9																	
10																	
Tổng cộng																	

Xác nhận của đối tác địa phương
(Giám đốc hoặc cán bộ KN)

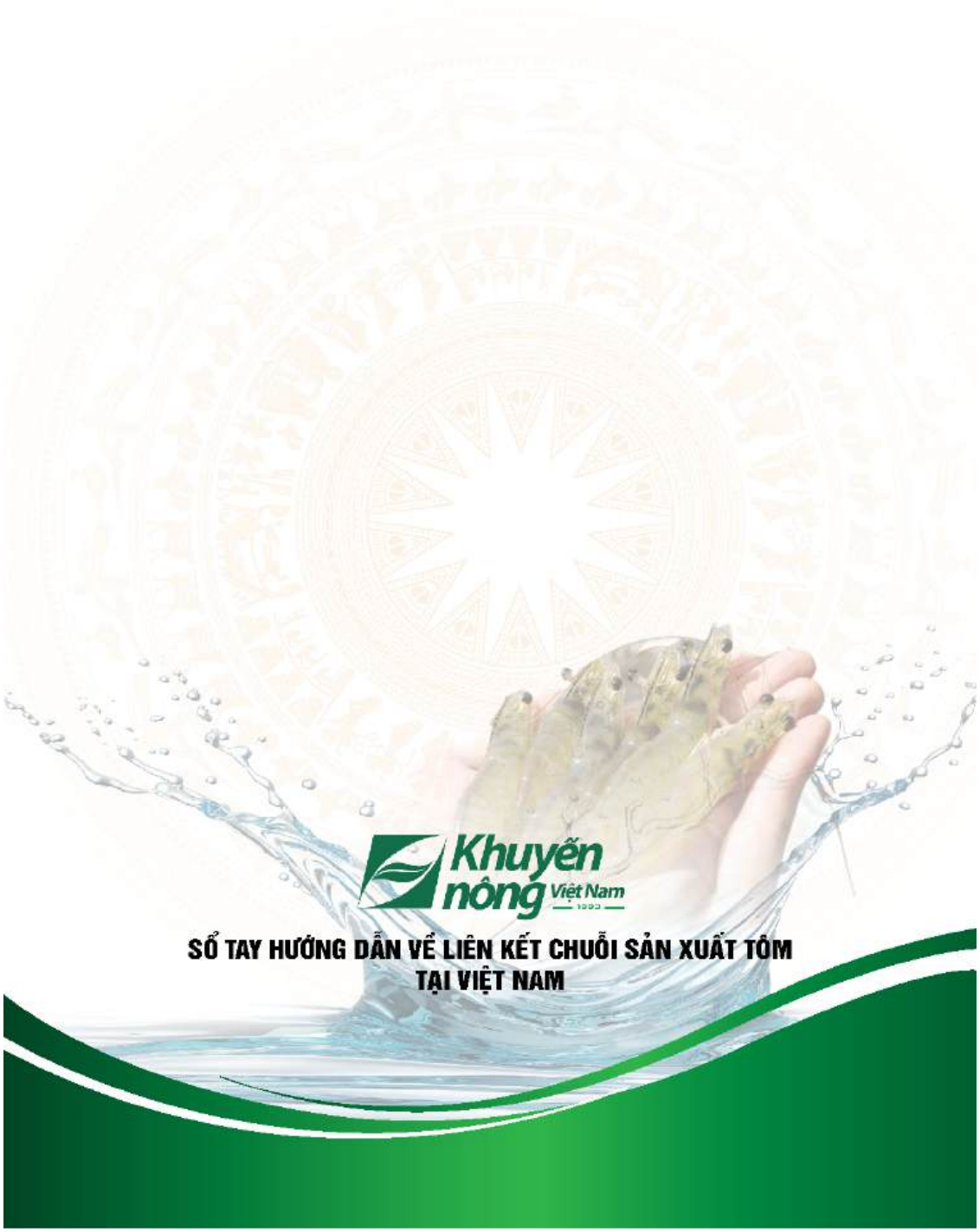

Khuyến nông Việt Nam

SỔ TAY HƯỚNG DẪN VỀ LIÊN KẾT CHUỖI SẢN XUẤT TÔM TẠI VIỆT NAM